

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (HABECO)**

- Mã chứng khoán: BHN

- Địa chỉ trụ sở chính: 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024.38453843

Fax: 024.37223784

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Bùi Trường Thắng**

- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc – Người được ủy quyền công bố thông tin

- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Nội dung thông tin công bố:

Ngày 26/4/2021, HABECO đã phát hành Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 27/4/2021 tại đường dẫn: <http://www.habeco.com.vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Vth, VP

Tài liệu kèm theo:

Báo cáo thường niên năm 2020 của Habeco



Bùi Trường Thắng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020



**GÌN GIỮ TINH HOA
NÂNG TÂM VỊ THỂ**

MỤC LỤC

01 PHẦN MỞ ĐẦU

01. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

02 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

01. Thông tin khái quát

02. Quá trình hình thành và phát triển

03. Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

04. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

05. Định hướng phát triển

06. Các rủi ro

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

02. Tổ chức và nhân sự

03. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

04. Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

05. Tình hình tài chính

06. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

07. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

04 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

01. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020

02. Những giải pháp đã thực hiện năm 2020

03. Tình hình tài chính

04. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

05. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội trong năm 2020

05 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01. Đánh giá về các mặt hoạt động

02. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

03. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Hội đồng quản trị

02. Ban kiểm soát

03. Các giao dịch, thù lao & các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và ban kiểm soát

04. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

05. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

06. Đánh giá việc thực hiện các quy định quản trị công ty

07 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. Tác động lên môi trường - phát thải nhà kính

02. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

03. Tiêu thụ năng lượng

04. Tiêu thụ nước

05. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính gửi: Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên!

Năm 2020 có thể nói là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành đồ uống nói riêng bởi tác động kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ và dịch bệnh Covid-19. HABECO cũng là doanh nghiệp không nằm ngoài các khó khăn đó.

Với sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên HABECO, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến người lao động cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Công Thương và các bộ, ban, ngành, sự đồng hành hỗ trợ của các quý cổ đông, đối tác, hiệp hội, các khách hàng nhà phân phối, các cơ quan thông tấn, báo chí... HABECO đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận ở cả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Theo đó, số liệu thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 tại Công ty mẹ như sau: Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 309,9 triệu lít, tăng 37,7% so với kế hoạch; Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 5.893,8 tỷ đồng, tăng 39% so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 708,8 tỷ đồng, tăng 126,4% so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 625,3 tỷ đồng, tăng 152,2% so với kế hoạch; nộp ngân sách gần 1.600 tỷ đồng, tăng 11,5% so với kế hoạch.

Đặc biệt trong năm 2020, thị phần ngành bia tại Việt Nam của HABECO tăng trưởng 3 tháng liên tiếp. Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020, toàn hệ thống HABECO đã không ngừng nỗ lực, tìm ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn.

Những tác động đến từ Nghị định 100 và đại dịch Covid-19 đã tạo ra động lực để HABECO nghiên cứu và cho ra mắt các dòng sản phẩm mới, bao gói tiện dụng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Sự ra đời của sản phẩm Bia hơi Hà Nội lon 500ml, Bia hơi Hà Nội đóng chai 1lít và sản phẩm bia Hanoi Bold - Hanoi Light phiên bản đóng lon 330ml đã được thị trường, người tiêu dùng đặc biệt là giới trẻ đón nhận tích cực bởi sự tiện dụng, phong cách hiện đại. Đây được xem là một trong những bước đi quan trọng trong phương thức sản xuất sản phẩm mới phù hợp với xu thế tiêu dùng của khách hàng. Cũng trong năm 2020, chào mừng 130 năm lịch sử truyền thống, Bia Hà Nội 1890 được giới thiệu ra thị trường như một sản phẩm mang biểu tượng "Gìn giữ tinh hoa - Nâng tầm vị thế" của HABECO.

Các hoạt động truyền thông, marketing thương hiệu và các sản phẩm của HABECO cũng được đẩy mạnh trên nền tảng số - kênh truyền thông tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả nhất hiện nay. Cùng với đó, các hoạt động activation giới thiệu sản phẩm tại điểm bán, chương trình khuyến mại với giá trị giải thưởng lớn cũng được HABECO đẩy mạnh vào dịp cuối năm, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng tham gia.

Song song với chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường, HABECO đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác Đảng, tổ chức Đại hội điểm nhiệm kỳ 2020- 2025 thành công với chủ đề: Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ; Đổi mới, năng động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Phát huy truyền thống, sức mạnh đoàn kết để thực hiện mục tiêu "Gìn giữ tinh hoa - Nâng tầm vị thế", hướng tới giá trị thương hiệu HABECO với tinh thần "Sức bật Việt Nam".

Là một doanh nghiệp bia nội hàng đầu tại Việt Nam, HABECO luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong các công tác xã hội, tích cực tổ chức các chương trình hướng đến cộng đồng như đồng hành cùng các đơn vị tuyến đầu chống dịch Covid-19, xây nhà tình nghĩa, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào miền Trung trải qua lũ lụt lịch sử...

HABECO tự hào khi nhìn lại năm 2020 với những bước tiến mạnh mẽ tạo nên thay đổi vượt bậc làm tiền đề cho năm 2021. Ghi nhận những nỗ lực của HABECO, Hội đồng Thương hiệu Quốc gia đã công nhận HABECO là Thương hiệu Quốc gia Việt Nam và đây là lần thứ 5 liên tiếp, HABECO vinh dự được vinh danh nhận giải thưởng cao quý này.

Trong năm 2021, HABECO xác định chiến lược trọng tâm của doanh nghiệp là:

- (1) Đa dạng hoá sản phẩm: Nghiên cứu các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, đóng góp vào tiến trình xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững với môi trường.
- (2) Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao chất lượng thiết bị công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị sử dụng năng lượng hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.
- (3) Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực. Giới thiệu và xuất khẩu các sản phẩm của HABECO ra thế giới, tới các thị trường như Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...
- (4) HABECO cam kết hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang thương hiệu quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.

Thay mặt Ban lãnh đạo HABECO, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và tập thể người lao động đã luôn tin tưởng và gắn bó với HABECO trong suốt thời gian qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đình Thanh



KIỆT TÁC CHINH PHỤC ĐỈNH CAO

Một sản phẩm của

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI (HABECO)

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội - Việt Nam

Tel: +84 (24) 38453843 / Fax: +84 (24) 37223784

Mọi chi tiết xem trên website www.habeco.com.vn

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Thông tin khái quát về doanh nghiệp



TỔNG CTCP BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Tên tiếng anh Hanoi Beer Alcohol and Beverage Joint Stock Comapny

Địa chỉ Số 183, phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội

Tên viết tắt HABECO

Số điện thoại 024.3845.3843

Mã chứng khoán BHN (niêm yết tại Sở GDCK TP.HCM - HOSE)

Số fax 024.3722.3784

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103025268 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 06 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 07 tháng 09 năm 2020

Website www.habeco.com.vn

Vốn điều lệ 2.318.000.000.000 đồng

Người đại diện Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Ngô Quế Lâm - Tổng Giám đốc

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Truyền thống
Đoàn kết
Sáng tạo

TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất bia hàng đầu Việt Nam, đại diện cho niềm tự hào dân tộc, sức bật Việt Nam vươn tầm khu vực và thế giới



SỨ MỆNH

Mang tới người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm chất lượng hoàn hảo với niềm tự hào là thương hiệu Việt mang tầm quốc tế

Gìn giữ tinh hoa, nâng tầm vị thế những giá trị truyền thống, nét tinh hoa văn hoá dùng Bia của người Việt

Hành động có trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội, truyền cảm hứng vươn tầm cho người Việt Nam

Tôi yêu 
BIA HÀ NỘI



NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU, BIA

Quá trình hình thành và phát triển



1890

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội là Nhà máy bia Hommel được người Pháp xây dựng từ năm 1890, là khởi đầu cho một dòng chảy nhỏ bé cùng song hành với những thăng trầm của Thăng Long – Hà Nội.



1958

Ngày 15/8/1958, trong không khí cả nước sôi sục chào mừng kỉ niệm 13 năm Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bốn năm Thủ đô hoàn toàn giải phóng, chai bia Việt Nam đầu tiên mang nhãn hiệu Trúc Bạch ra đời trong niềm vui xúc động lớn lao của cán bộ công nhân viên Nhà máy.



2010

Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia công suất 200 triệu lít/năm tại Mê Linh, Hà Nội, với hệ thống thiết bị đồng bộ hiện đại bậc nhất Đông Nam Á đã đưa Tổng Công ty đạt công suất 400 triệu lít bia/năm. HABECO trở thành một trong hai Tổng Công ty sản xuất bia lớn nhất của Việt Nam. Cũng trong năm 2010, sản phẩm Bia Trúc Bạch được khôi phục.



2013

HABECO đầu tư dây chuyền chiết nước tinh lọc, cũng là năm đánh dấu mốc 55 năm khôi phục, xây dựng và phát triển.



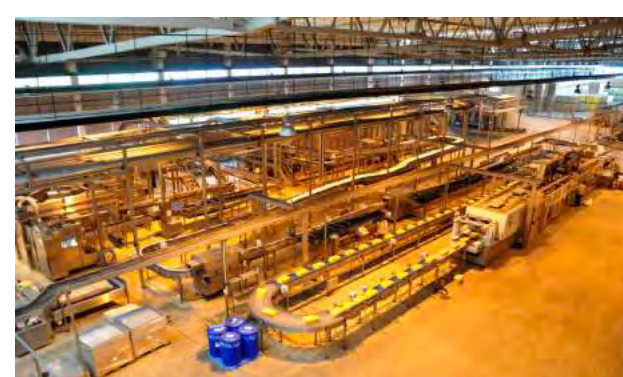
2003

Ngày 6/5/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (viết tắt là HABECO).



2008

Từ ngày 16/6/2008, Tổng Công ty chính thức chuyển đổi mô hình tổ chức từ một Tổng Công ty Nhà nước sang Tổng Công ty cổ phần. Đây là bước ngoặt quan trọng để Bia Hà Nội khẳng định vị thế của mình trong giai đoạn hội nhập.



2014

HABECO khởi công dự án dây chuyền chiết lon 60,000lon/giờ tại Nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh, được hoàn thành vào đầu năm và chính thức đi vào hoạt động vào năm 2016. Đầu tư xây dựng hệ thống Pilot Plant phục vụ công tác nghiên cứu sản phẩm mới.



2016

Ngày 28/10/2016, cổ phiếu BHN của HABECO đã chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)



2017

Ngày 19/01/2017, HABECO đã chính thức đưa 231,8 triệu cổ phiếu (mã BHN) niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



2018

Đấu mốc 60 năm khôi phục, xây dựng và phát triển, HABECO ra mắt nhận diện mới sản phẩm Bia Trúc Bạch



2019

Tháng 5/2019, HABECO chính thức ra mắt nhận diện mới thương hiệu với Slogan “Sức bật Việt Nam”



2020

Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội

Thành tựu, chứng nhận



Năm 2020, HABECO tự hào là doanh nghiệp xếp thứ 28/50 trong bảng xếp hạng Forbes Việt Nam Top 50 thương hiệu dẫn đầu. Top 10 công ty uy tín ngành thực phẩm - đồ uống Việt Nam. Đặc biệt, HABECO tiếp tục được Hội đồng Thương hiệu Quốc gia công nhận là Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020. Đây là lần thứ 5 liên tiếp HABECO được vinh dự góp mặt trong danh sách những thương hiệu tiêu biểu nhận vinh dự này.



Cũng trong năm 2020, HABECO đã được trao tặng bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ vì có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của Công đoàn Văn phòng Chính phủ giai đoạn 2015 – 2020 .



Trải qua 130 năm lịch sử với hơn 60 năm khôi phục, xây dựng và phát triển, đến nay, HABECO đã trở thành một trong các doanh nghiệp hàng đầu của ngành Đồ uống tại Việt Nam. Những dòng sản phẩm nổi tiếng làm nên thương hiệu của HABECO như Bia hơi Hà Nội, Bia lon Hà Nội, Bia Trúc Bạch, Hanoi Beer Premium, Bia Hà Nội Bold&Light,... đã nhận được sự tin yêu của người tiêu dùng về cả chất lượng và phong cách, chinh phục những người sành bia trong và ngoài nước.

Với bí quyết công nghệ - truyền thống trăm năm, cùng hệ thống thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có trình độ, tâm huyết, các sản phẩm của HABECO đã nhận được sự mến mộ của hàng triệu người tiêu dùng trong nước cũng như quốc tế. Thương hiệu bia Hà Nội ngày hôm nay được xây dựng, kết tinh từ nhiều thế hệ, là niềm tin của người tiêu dùng, niềm tự hào của thương hiệu Việt.

Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất bia và mạch
nha ủ men bia

Sản xuất đồ uống không
cồn, nước khoáng

Chưng, tinh cất và pha
chế các loại rượu mạnh

Địa bàn kinh doanh

THỊ TRƯỜNG KINH DOANH CỦA HABECO TRẢI DÀI KHẮP CẢ NƯỚC

Thị trường chủ yếu từ tỉnh Quảng Trị trở ra Phía Bắc.

Với hệ thống gần 200 nhà phân phối thông qua 04 công ty thương mại, HABECO hiện đang giữ vị trí thứ 03 về thị phần tại Việt Nam và số 1 tại thị trường bia Miền Bắc

Là hãng sản xuất bia thuần Việt duy nhất hiện nay, HABECO đặt mục tiêu sẽ phát triển thương hiệu mang tính quốc gia, sản phẩm được biết đến rộng rãi trên toàn quốc.

Với mục tiêu mở rộng thị trường về phía Nam, bên cạnh việc tập trung giữ thị phần tại các thị trường truyền thống Phía Bắc, từ năm 2020, HABECO đã bắt đầu tập trung phát triển thị trường phía Nam với 16 nhà phân phối tại TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ... và bước đầu đã đạt được kết quả rất khả quan.

Hiện HABECO đã xuất khẩu, phân phối chủ yếu tại thị trường Châu Âu (Pháp, Anh, Áo, Czech), Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Úc.... thông qua hệ thống siêu thị và các nhà hàng Việt Nam. Sản phẩm xuất khẩu chủ đạo của HABECO là Bia chai Hà Nội Premium 330ml và Bia lon Hà Nội.

Với lợi thế là sản phẩm mang tên gọi Hà Nội- thủ đô của Việt Nam, các sản phẩm của HABECO dễ đi vào các nhà hàng Việt Nam tại nước ngoài. Vì vậy, trong thời gian tới, HABECO có chiến lược tập trung phát triển xuất khẩu tại các thị trường truyền thống cũng như tại các quốc gia có nhiều người Việt Nam để từng bước lan tỏa thương hiệu bia Việt Nam ra thế giới.

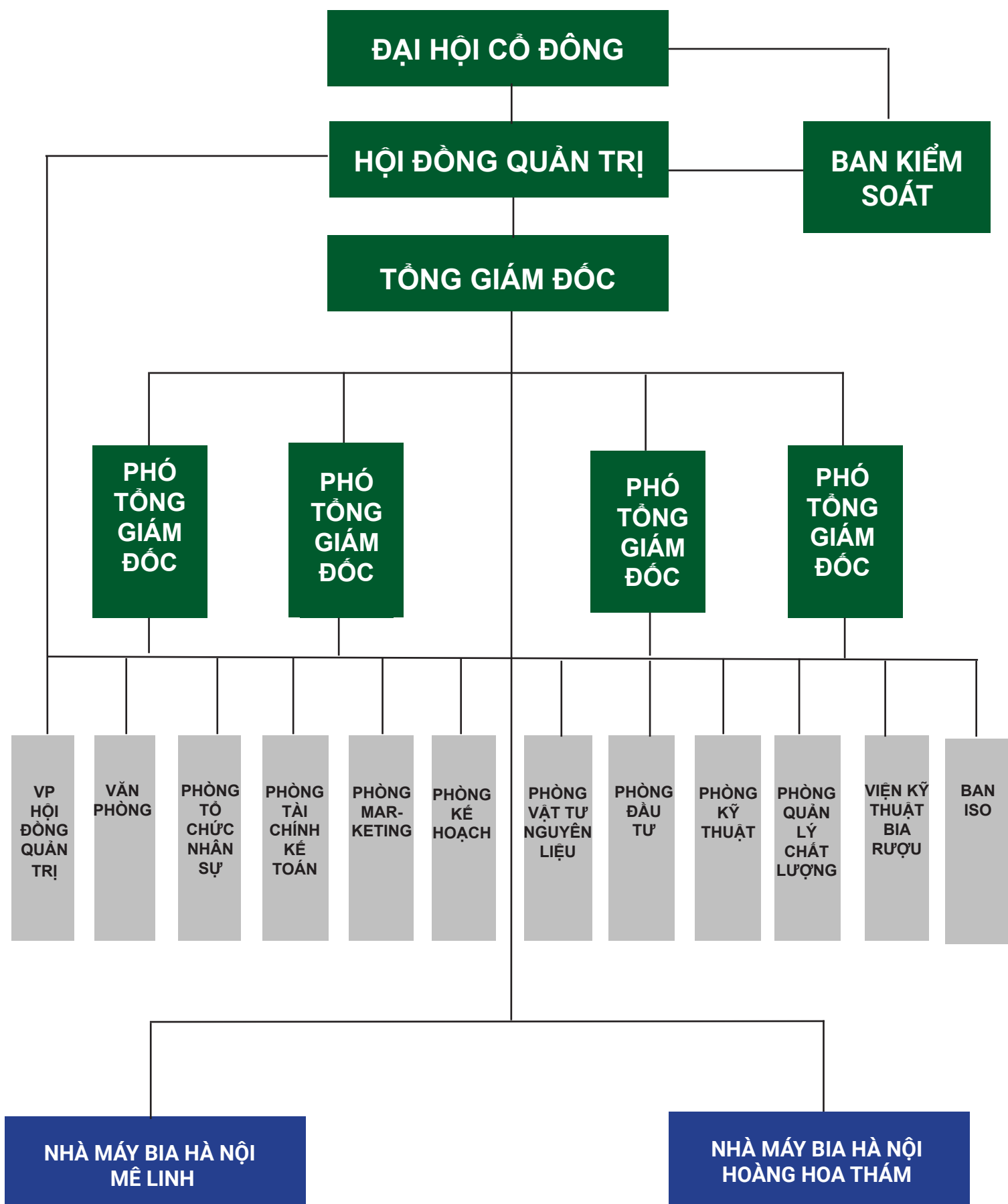


HABECO

Sức bật Việt Nam



3. MÔ HÌNH TỔ CHỨC



CÔNG TY CON

- 1 Công ty TNHH MTV Thương Mại HABECO
- 2 CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương
- 3 CTCP Bia Hà Nội - Hải Phòng
- 4 CTCP Bia Hà Nội - Nam Định
- 5 CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình
- 6 CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa
- 7 CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình
- 8 CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát
- 9 CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội
- 10 CTCP Thương mại Bia Hà Nội
- 11 CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội Quảng Ninh
- 12 CTCP ĐTPT Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
- 13 CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An
- 14 CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị
- 15 CTCP HABECO - Hải Phòng
- 16 CTCP Bia Hà Nội - Hồng Hà

CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

- 1 CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài
- 2 CTCP Vận tải Habeco
- 3 CTCP Đầu tư Phát triển Habeco
- 4 CTCP Harec Đầu tư & Thương mại
- 5 Công ty TNHH Thủy tinh Samiguel Yamamura Hải Phòng
- 6 CTCP Bao bì Habeco

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRẦN ĐÌNH THANH
CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh : 1969

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ hoá học;
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



ÔNG NGÔ QUẾ LÂM
TV HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị
kinh doanh; Cử nhân Luật; Kỹ sư chế
tạo máy



ÔNG VŨ XUÂN DŨNG
TV HĐQT, P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Sinh học;
Cử nhân kế toán



ÔNG TRẦN THUẬN AN
TV HĐQT, P. TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản
trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng
cơ bản

Số cổ phần đại diện : 85.279.220 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 6.900 cổ
phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại
HABECO

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia - Rượu - Nước
giải khát Hà Nội - Quảng Ninh

Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển
công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát
Hà Nội

Số cổ phần đại diện : 57.950.000 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.100 cổ
phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không

Số cổ phần đại diện : 23.180.000 cổ phần,
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thủy
tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng

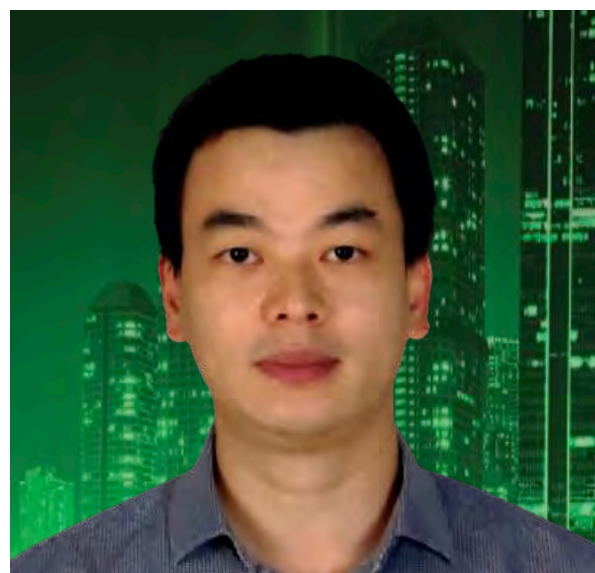
Thành viên HĐQT CTCP Harec Đầu tư
và Thương mại

Số cổ phần đại diện : 23.180.000 cổ phần,
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Thành viên HĐQT CTCP Vận tải Habeco
(miễn nhiệm ngày 19/06/2020)

Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư phát triển
HABECO (miễn nhiệm ngày 29/06/2020)



ÔNG BÙI HỮU QUANG
THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học
Thương mại CN Tài chính - Kế toán

Số cổ phần đại diện : 40.198.200 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Giám đốc chiến lược Công ty TNHH
Thương mại Carlsberg Việt Nam

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 50 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



BÀ QUẢN LÊ HÀ
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ ngành
công nghệ lên men

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



BÀ PHẠM THU THỦY
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh : 1982

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế
toán ; Cử nhân Tiếng Anh



ÔNG BÙI TRƯỜNG THẮNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh
tế vật tư

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thanh
Hóa

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Nghệ
An

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Quảng
Bình

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Quảng
Trị



ÔNG PHẠM TRUNG KIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1970

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD;
Kỹ sư công nghệ thực phẩm

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Kim
Bãi

Chủ tịch HĐQT CTCP Rượu và Nước giải
khát Hà Nội

Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại Bia Hà
Nội - Hưng Yên 89

Thành viên HĐQT CTCP Bia Hà Nội - Thái
Bình

Thành viên HĐQT Bia HN - Quảng Bình
(miễn nhiệm ngày 17/06/2020)

Thành viên HĐQT Bia HN - Hồng Hà (miễn
nhiệm ngày 12/06/2020)

BAN KIỂM SOÁT



BÀ CHỦ THỊ THU TRANG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1979

*Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán ;
Cử nhân Quản trị Kinh doanh*

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Không



BÀ THIỀU HỒNG NHUNG
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh : 1977

*Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế;
Thành viên hiệp hội kiểm toán công
chứng Anh*

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Giám đốc tài chính Công ty TNHH
Thương mại Carlsberg Việt Nam



ÔNG TRẦN MINH TUẤN
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh : 1977

*Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị
Cử nhân Tài chính - Tín dụng*

Số cổ phần đại diện : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

Thành viên HĐQT CTCP bia Hà Nội -
Nam Định

Công ty con, công ty liên kết và liên doanh

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ đã góp (VĐL)	Tỷ lệ sở hữu của HABECO
Công ty con					
1	CT TNHH MTV TM HABECO	Số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Thương mại bia	50.000.000.000	100,00%
2	CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương	Phố Quán Thánh, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%
3	CTCP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Số 16 đường Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%
4	CTCP Bia Hà Nội - Nam Định	Số 5 Đường Thái Bình, Thành phố Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%
5	CTCP Bia Hà Nội - Thái Bình	Lô CN1, khu công nghiệp TBS - Sông Trà, Xã Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%
6	CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hoá	152 Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%
7	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình	TDP 13, Phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%
8	CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	38 Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	69,78%
9	CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%
10	CTCP TM Bia Hà Nội	183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Thương mại bia	31.23.000.000	60,00%
11	CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội Quảng Ninh	Lô 20 KCN Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Thương mại bia	15.000.000.000	52,64%
12	CTCP ĐTPT Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	Đường 206, KCN Phố Nối A, Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên.	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%
13	CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An	Khu B, Khu CN Nam Cẩm, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%
14	CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị	158 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%
15	CTCP Habeco - Hải Phòng	Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%
16	CTCP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Khu 1, Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%

Công ty liên kết & liên doanh

1	CTCP Bao Bì Habeco	Lô 2ha, Cụm CN Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, Hà Nội.	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%
2	CTCP Bia Hà Nội - Kim Bài	Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,00%
3	CTCP Vận tải Habeco	Số 1199, đường Giải Phóng, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	Vận tải	25.000.000.000	28,00%
4	CTCP Harec Đầu tư và Thương mại	Số 4 phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Bất động sản	63.384.000.000	40,00%
5	CTTNHH Thủy tinh Sanmi-guel Yamamura Hải Phòng	17A phố Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất chai	160.772.505.787	27,21%
6	CTCP Đầu tư phát triển Habeco	4A Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	Bất động sản	19.291.600.000	45,00%

Định hướng phát triển

Đa dạng hoá sản phẩm: Nghiên cứu các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, đóng góp vào tiến trình xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững với môi trường.

Tiếp tục đầu tư theo chiều sâu, nâng cao chất lượng thiết bị công nghệ sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo, quản trị sử dụng năng lượng hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực. Giới thiệu và xuất khẩu các sản phẩm của HABECO ra thế giới, tới các thị trường như Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

HABECO cam kết hướng đến cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp mang thương hiệu quốc gia, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của đất nước.



Mục tiêu phát triển bền vững

Trong suốt chặng đường phát triển, HABECO luôn theo sát định hướng phát triển bền vững. Điều này được thể hiện qua ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, hạn chế tối đa các nguồn ô nhiễm do quá trình sản xuất gây ra.

Thực hiện kế hoạch đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, những năm qua HABECO đã tiến hành thay mới từ nhà nấu, lò hơi đến hệ thống xử lý nước, nuôi cấy men, lên men bằng tank tự động ngoài trời, hệ thống lọc, lạnh, xử lý nước thải... và cải tiến bằng công nghệ hiện đại. Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng.



CÁC RỦI RO



DỊCH COVID - 19

Tính đến hết tháng 03/2021 tổng số ca nhiễm Covid-19 trên toàn thế giới đã đạt hơn 124 triệu ca, trong đó tại Việt Nam là khoảng 2.700 ca. Tuy chính phủ cùng với các cơ quan chức năng đã phần nào kiểm soát được dịch bệnh trong nước nhưng dịch bệnh trên thế giới vẫn còn diễn biến rất phức tạp và khó kiểm soát. Nếu các đợt lây nhiễm Covid-19 tiếp tục bùng phát trong nước sẽ bắt buộc chính phủ phải thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự lây lan như hạn chế đi lại, tạm đóng cửa các cơ sở kinh doanh bia, rượu, karaoke, vũ trường,... những biện pháp này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số bán hàng on-premise (sử dụng trực tiếp tại quán) của HABECO. Các biện pháp mạnh mẽ hơn như đóng cửa biên giới, hạn chế xuất nhập có thể làm đứt gãy chuỗi cung ứng của HABECO, gây nên sự gián đoạn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, vẫn có nhiều cơ sở để hy vọng giai đoạn hết sức khó khăn này sẽ sớm qua đi khi công tác xét nghiệm Covid-19 được tiến hành trên diện rộng, nỗ lực điều trị bệnh có nhiều tiến triển, quá trình thử nghiệm, phân phối vaccine được thúc đẩy với tốc độ chưa từng có. Cùng với đó, sự ứng phó nhanh, kịp thời về nhiều mặt của các chính phủ trên thế giới nói chung và chính phủ Việt Nam nói riêng đã giúp nền kinh tế dần sáng sửa hơn.

CHÍNH SÁCH

Trong năm 2020, ngành bia trong nước đã đối mặt với hai cú sốc lớn đến từ chính sách đó là việc Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định việc xử phạt phương tiện tham gia giao thông có nồng độ cồn trong máu ở bất kỳ mức độ nào và Nghị định 24/2020/NĐ-CP với các quy định khắt khe hơn về quảng cáo rượu bia đều đi vào hiệu lực. Cả hai Nghị định này đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến doanh số của các doanh nghiệp ngành bia. Có thể nói, những thay đổi về chính sách ngày càng chặt chẽ và nghiêm khắc nhiều khả năng sẽ tiếp tục gây khó khăn cho HABECO trong hoạt động tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh doanh số và phát triển thị trường.



TỶ GIÁ

Tỷ giá biến động bất lợi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu sản xuất bia và ảnh hưởng đến lợi nhuận của HABECO



NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất bia chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Những rủi ro về thời tiết như hạn hán, lũ lụt... ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng nguyên liệu. Do đó, HABECO có thể sẽ gặp phải rủi ro khi nguồn nguyên liệu, giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động bất thường dẫn đến khan hiếm và tăng giá nguyên vật liệu đầu vào.



ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Theo Báo cáo tầm nhìn Việt Nam 2045 của Quốc hội khóa XIV, GDP bình quân đầu người của Việt Nam sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình hơn 6%/năm trong giai đoạn 2021 – 2045. Điều này đồng nghĩa sẽ có sự chuyển dịch xu hướng tiêu dùng của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng trẻ với xu hướng tiêu thụ các dòng bia cao cấp và các sản phẩm bia nhập khẩu nhiều hơn. Trong khi đó, doanh số chính của Habeco vẫn đang đến từ phân khúc tầm trung. Thị trường bia Việt Nam hiện nay gần như nằm trong tay 4 ông lớn gồm Habeco, Sabeco, Heineken và Carlsberg. Áp lực cạnh tranh giữa các đối thủ chính này của Habeco là rất lớn, chưa kể đến các Công ty bia nhỏ hơn đang và sẽ gia nhập thị trường. Ngoài ra, việc Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại quốc tế, song phương và đa phương sẽ tạo điều kiện ưu đãi đầu tư cho các Công ty bia nước ngoài, khuyến khích họ gia nhập vào thị trường bia Việt Nam, từ đó gia tăng sức nóng trong công cuộc chạy đua thị phần ngành bia quốc nội.



BIA HƠI HÀ NỘI

Một nét văn hóa Hà Nội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Theo báo cáo của Công ty Nielsen Việt Nam, năm 2020, thị trường bia Việt Nam dưới tác động kép của dịch bệnh Covid 19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP đã chịu sự sụt giảm lớn so với năm 2019, trong đó, sản lượng tiêu thụ của HABECO và Sabeco có mức giảm tương đương nhau.

Tại khu vực Miền Bắc và Bắc Trung Bộ là thị trường chính của Habeco, ngành bia có sự suy giảm mạnh hơn so với các khu vực thị trường khác. Mặc dù phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đến từ các thương hiệu bia quốc tế cũng như địa phương, HABECO vẫn giữ vững vị trí là nhà sản xuất dẫn đầu tại thị trường này. Sau thời gian giãn cách xã hội trong quý 1/2020 và đầu quý 2/2020, HABECO đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong 3 tháng liên tiếp vào mùa vụ hè và hết năm 2020, HABECO đã được ghi nhận đạt mức 38,5% thị phần về sản lượng.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện		Kế hoạch 2020	% So với KH	% So với 2019
		2019	2020			
Sản lượng	Triệu lít	401,1	309,9	225	138	77
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Tỷ đồng	7.562,2	5.893,3	4.238,8	139	78
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	613,2	708,8	313,0	226	116
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	501,8	625,3	248,0	252	125

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, HABECO xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 báo cáo Bộ Công Thương, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức là 15,5%. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương, HABECO sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trong năm 2020, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Công ty mẹ đều vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Để có được kết quả nêu trên phải kể đến các yếu tố như sau:

Chính phủ đã có những giải pháp kịp thời, hiệu quả để ngăn chặn dịch bệnh Covid, giúp các hoạt động kinh tế xã hội được khôi phục và phát triển trong giai đoạn bình thường mới. Từ đó thúc đẩy được nhu cầu tiêu dùng đối với các sản phẩm, trong đó có sản phẩm bia.

HABECO tập trung thực hiện những công việc thiết yếu nhất phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh 2020, triển khai các giải pháp để cắt giảm, tiết kiệm triệt để các loại chi phí với mục tiêu đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh Covid, giãn cách xã hội.

Chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 tăng cao do trong năm có khoản hoàn nhập dự phòng nộp phạt thuế TTĐB truy thu theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên Habeco, từ các cấp Lãnh đạo cao nhất đến người lao động cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Công Thương và các bộ, ban, ngành.



Tổ chức, nhân sự

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên của HABECO đến thời điểm 31/12/2020 là 539 người, lao động bình quân năm 2020 là 577 người.

Những thay đổi trong ban điều hành

Ông Nguyễn Hải Hồ - Phó Tổng giám đốc

Nghỉ hưu chế độ từ ngày 01/5/2020.

Ông Trần Thuận An - Trưởng Phòng Marketing

Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc từ ngày 20/4/2020.

Bà Phạm Thu Thủy

Phó Trưởng Phòng - Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán
Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 08/01/2020.

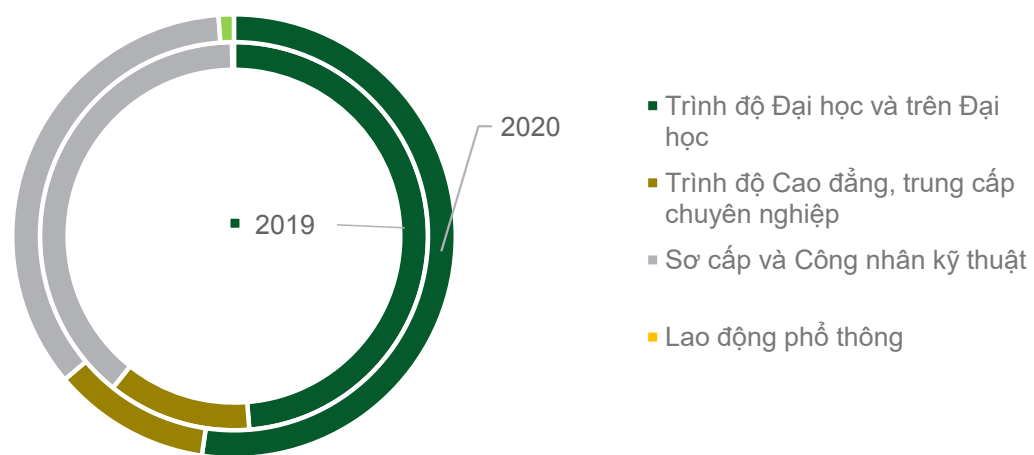


STT	Tiêu chí	Năm 2019		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động	634	100%	539	100%
1	Trình độ Đại học và trên đại học	309	49%	282	52%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	76	12%	62	12%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	248	39%	189	35%
4	Lao động phổ thông	1	0%	6	1%
II	Theo đối tượng lao động	634	100%	539	100%
1	Lao động trực tiếp	350	55%	272	50%
2	Lao động gián tiếp	284	45%	267	50%
III	Theo giới tính	634	100%	539	100%
1	Nam	417	66%	361	67%
2	Nữ	217	34%	178	33%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	634	100%	539	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	51	8%	47	9%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	63	10%	40	7%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	520	82%	452	84%
V	Theo cấp quản lý	634	100%	539	100%
1	Quản lý cấp cao	6	1%	8	1%
2	Quản lý cấp trung	57	9%	37	7%
3	Quản lý cấp chi nhánh		0%	22	4%
4	Chuyên viên, nhân viên	571	90%	472	88%
VI	Theo độ tuổi	634	100%	539	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	7	1%	11	2%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	207	33%	176	33%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	251	40%	265	49%
4	Trên 45	169	27%	87	16%
	Tổng cộng	634	100%	539	100%

Cơ cấu lao động của Tổng công ty được thể hiện trong các biểu đồ dưới đây:

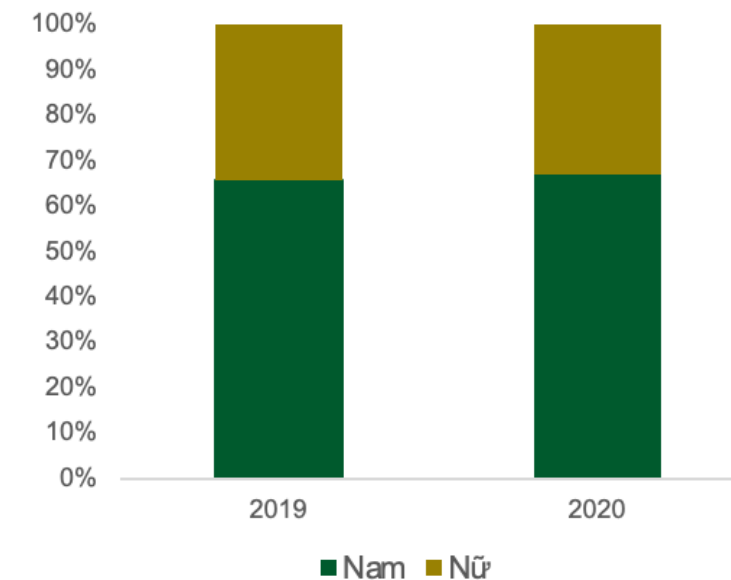


Cơ cấu lao động theo trình độ



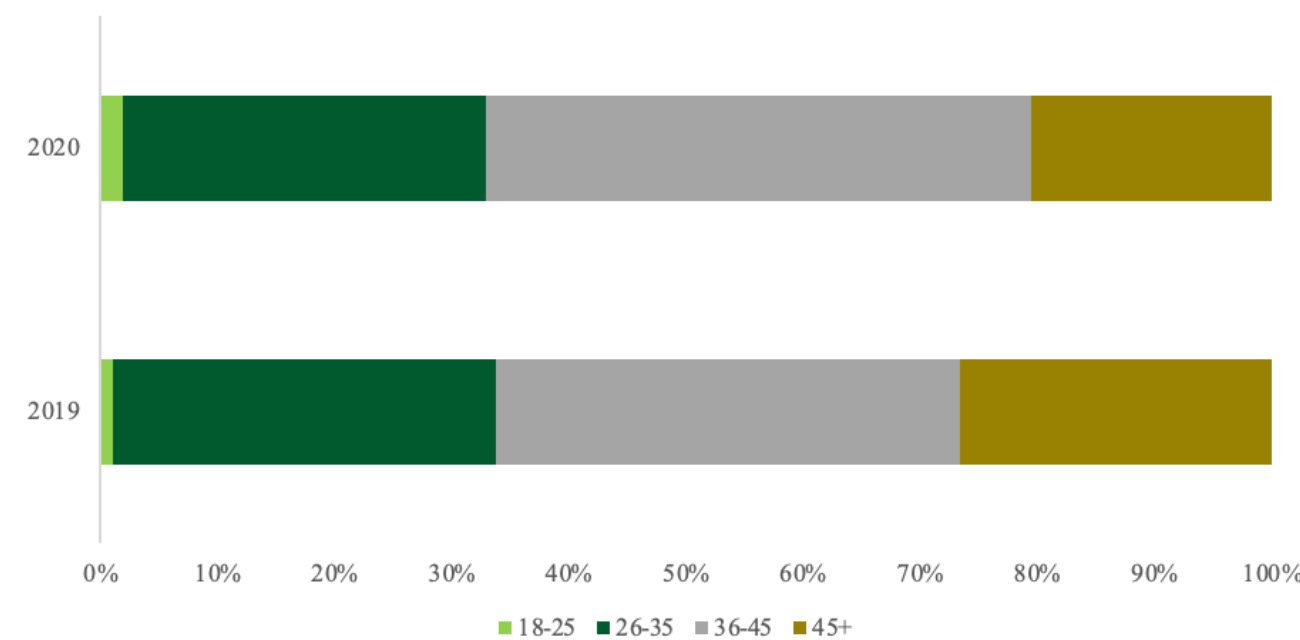
Tỷ lệ cán bộ, nhân viên của Tổng công ty có trình độ Đại học và trên Đại học được gia tăng trong năm 2020. Điều này là do Tổng công ty đang tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực, bởi đây là yếu tố then chốt trong sự thành công của HABECO.

Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo giới tính của Tổng công ty không có quá nhiều biến động trong 2020 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 30%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của HABECO.

Cơ cấu lao động theo độ tuổi



Độ tuổi tập trung chủ yếu đội ngũ cán bộ công nhân viên của HABECO sẽ từ 26 đến 45 tuổi. HABECO tập trung vào lao động có nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, tỷ lệ lao động trên 45 tuổi của HABECO cũng có xu hướng giảm dần do các chính sách trẻ hóa nhân lực nhằm gia tăng tính sáng tạo, năng động nhằm bắt kịp với các thay đổi trong xu thế toàn cầu.

Chính sách người lao động

Về chính sách đối với người lao động, HABECO luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước đối với các doanh nghiệp Nhà nước.

Chính sách tiền lương, thưởng: Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Năm 2020, HABECO thực hiện sửa đổi lại hệ thống thang bảng lương đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm: Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra người lao động còn được HABECO hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Chế độ phúc lợi: Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỉ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát...

Chế độ chăm sóc sức khỏe: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, bệnh phụ nữ.

Chính sách đào tạo: HABECO có kế hoạch đào tạo hàng năm cho cán bộ công nhân viên cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó cán bộ công nhân viên được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ

Các chế độ khác: Cán bộ công nhân viên luôn được HABECO tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động...



Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại HABECO (ERP)

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Xây dựng hệ thống tích hợp quản trị sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu quả tác nghiệp, giảm thiểu rủi ro trong quá trình điều hành sản xuất
2	Quy mô dự án	Dự án công nghệ thông tin nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	183 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
4	Tổng mức đầu tư dự án	19,8 tỷ đồng
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2018-2020

Dự án đầu tư xây dựng khu nhà làm việc khối kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Nâng cao năng lực hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật, sản xuất; tăng cường hiệu quả sử dụng trang thiết bị, phòng thí nghiệm; đẩy nhanh tiến độ áp dụng các giải pháp kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C, công trình dân dụng cấp III
3	Địa điểm thực hiện dự án	Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội
4	Tổng mức đầu tư dự án	26,4 tỷ đồng
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2019-2020

Dự án nâng cấp hệ thống điều khiển nhà máy Bia Hà Nội – Mê Linh

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Nâng cấp, tối ưu hóa hệ thống điều khiển quy trình sản xuất của nhà máy, đảm bảo hệ thống điều khiển nhà máy vận hành ổn định, đảm bảo an toàn sản xuất, góp phần tăng hiệu suất, giảm hao phí
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	Nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội
4	Tổng mức đầu tư dự án	14,9 tỷ đồng
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2019 - 2021

Dự án nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương Mại HABECO

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Mục tiêu đầu tư	Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp cho toàn Tổng công ty, chuẩn hóa và tự động hóa quy trình hoạt động, đồng bộ và hợp nhất dữ liệu, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị, điều hành tại Tổng công ty và Công ty MTV
2	Quy mô dự án	Dự án nhóm C
3	Địa điểm thực hiện dự án	Tại Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO
4	Tổng mức đầu tư dự án	21,76 tỷ đồng (trong đó vốn đầu tư của Tổng công ty là 9,2 tỷ đồng)
5	Thời gian thực hiện dự án	Năm 2020-2022

Công ty con, công ty liên kết

Kết quả kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty	Vốn chủ sở hữu	Doanh Thu			
			Tổng doanh thu và thu nhập khác	Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
A Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ						
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	69.267	4.492.464	4.293.794	23.749	18.751
B Công ty cổ phần nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Công ty con)						
1	Công ty CP bia Hà Nội – Hải Dương	77.012	153.621	151.899	9.890	8.278
2	Công ty CP bia Hà Nội – Hải Phòng	155.653	208.485	206.612	3.560	2.673
3	Công ty CP bia Hà Nội – Nam Định	26.359	57.405	56.386	3.298	2.809
4	Công ty CP bia Hà Nội – Thái Bình	112.091	136.781	136.631	1.322	796
5	Công ty CP bia Hà Nội – Thanh Hóa	147.251	1.422.053	1.417.625	5.101	3.078
6	Công ty CP bia Hà Nội – Quảng Bình	52.164	30.342	29.752	(8.786)	(8.786)
7	Công ty CP Bao bì Bia – Rượu – NGK	27.037	45.320	45.15	(487)	(487)
8	Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	368.882	120.012	114.451	(30.953)	(30.953)
9	Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	63.362	763.635	755.649	11.330	8.828
10	Công ty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội – Quảng Ninh	29.512	222.764	215.366	458	338
11	Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia – Rượu – NGK Hà Nội	325.678	460.597	459.052	41.660	33.296
12	Công ty CP bia Hà Nội – Nghệ An	197.177	294.578	294.095	5.739	5.739
13	Công ty CP bia Hà Nội – Quảng Trị	99.820	138.346	138.000	2.787	2.787
14	Công ty CP Habeco Hải Phòng	142.304	271.317	269.829	15.230	12.098
15	Công ty CP bia Hà Nội – Hồng Hà	111.392	153.803	151.357	8.852	7.414

STT	Tên công ty	Doanh Thu				
		Vốn chủ sở hữu	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
C	Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty CP Bao bì Habeco	40.289	90.361	90.322	317	317
2	Công ty CP bia Hà Nội – Kim Bài	52.494	139.357	138.196	6.809	5.848
3	Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	131.858	46.783	39.480	25.651	21.948
4	Công ty CP vận tải Habeco	34.049	35.341	24.092	(8.470)	(8.470)
5	Công ty CP Đầu tư phát triển Habeco	21.124	270	-	4.104	4.104
6	Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	406.011	315.841	312.822	(40.435)	(40.629)

Ngay từ đầu năm 2020, ngành Bia - Rượu - Nước giải khát nói chung và HABECO, cũng như các công ty thành viên của HABECO nói riêng đã phải chịu tác động kép bởi Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và dịch Covid -19 bùng phát ở những thành phố lớn của Việt Nam. Theo đó, nhiều nhà hàng, khu du lịch đã phải tạm ngừng hoạt động, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bia giảm mạnh. Đây là biến động lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh HABECO - Công ty mẹ và các công ty thành viên.

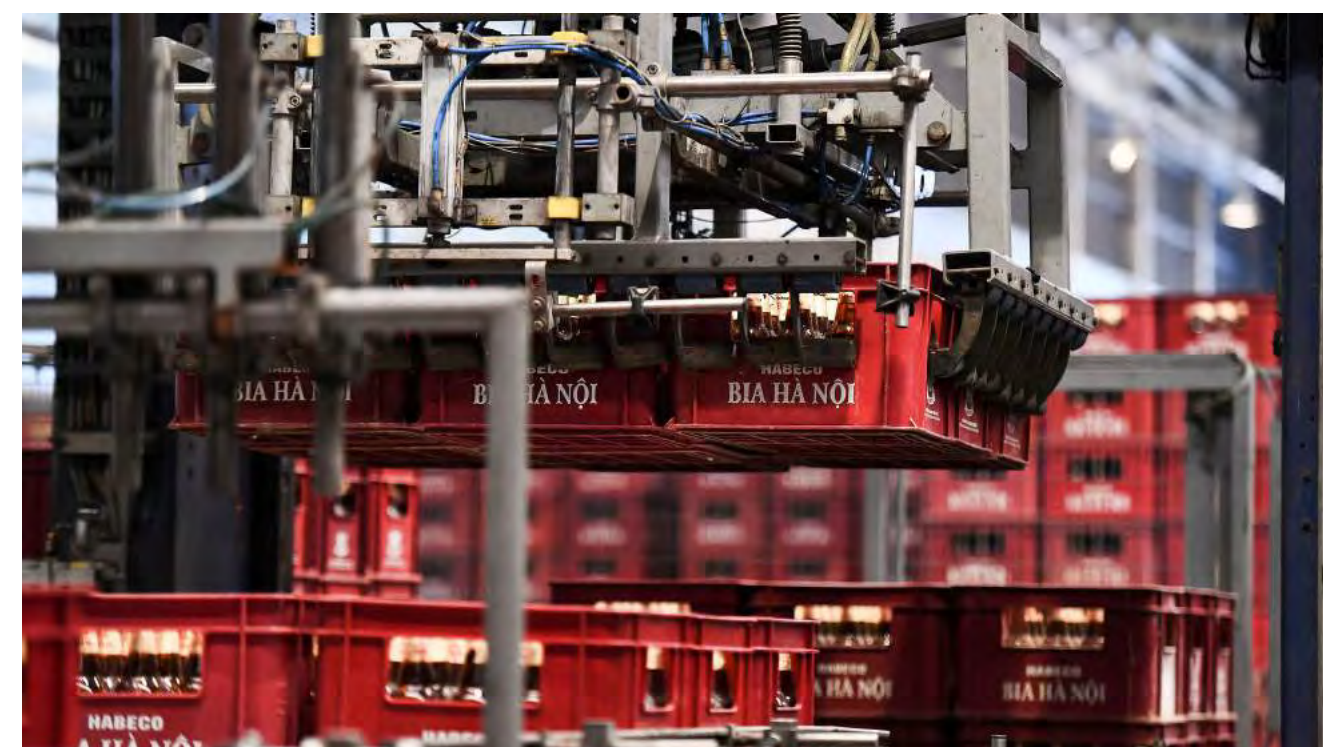
Trước những khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị HABECO đã chỉ đạo Người đại diện vốn tại các công ty thành viên cùng HĐQT, Ban giám đốc công ty triển khai các biện pháp ứng phó với đà suy giảm, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định sẵn sàng nâng cao sản lượng sản xuất, xây dựng các chương trình hỗ trợ khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ khi thị trường phục hồi.

Kết thúc năm tài chính 2020, có 17 trên tổng số 22 công ty con, công ty liên kết có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Trong đó, các công ty đạt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch ở mức cao như: CTCP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội; CTCP Habeco - Hải Phòng; Công ty TNHH MTV TM Habeco; CTCP Harec Đầu tư & Thương mại”

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2020 (tỷ đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.772,2	7.684,1	-1%
Doanh thu thuần	9.335,2	7.452,6	-20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	650,5	485,1	-25%
Lợi nhuận khác	19,0	282,1	1.386%
Lợi nhuận trước thuế	669,5	767,2	14,6%
Lợi nhuận sau thuế	523,1	660,6	26%

Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của HABECO, tại thời điểm ngày 31/12/2020, tổng tài sản giảm 1% so với cùng kỳ, doanh thu thuần giảm 20% so với cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ giảm. Trong khi các chỉ tiêu lợi nhuận tăng cao so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu do: Trước ảnh hưởng từ tác động kép của quy định về sử dụng rượu bia và tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, HABECO đã tạm dừng nhiều hoạt động và thực hiện nhiều giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh để chủ động ứng phó kịp thời với các tình huống, đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Đồng thời trong năm, Habeco thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng phải trả ngắn hạn 256,3 tỷ đồng.



Các chỉ tiêu tài chính

Về các chỉ tiêu khả năng thanh toán, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và chỉ số thanh toán nhanh của HABECO đều tăng hơn 40% so với cùng kỳ 2019, chủ yếu do nợ ngắn hạn của HABECO giảm từ công tác hoàn trích lập khoản phải trả và thanh toán các khoản nợ trong năm. Cả 2 chỉ số này đều lớn hơn 2 thể hiện khả năng thanh toán của HABECO đang ở mức tốt so với trung bình ngành và không tiềm ẩn các rủi ro về tín dụng.

Về các chỉ tiêu cơ cấu vốn, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản cũng như nợ trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với cùng kỳ, đạt lần lượt là 0,25 % và 0,34%, cơ cấu vốn luôn được HABECO giữ ở mức an toàn.

Về các chỉ tiêu hoạt động như vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản, cả 2 chỉ tiêu này đều ghi nhận mức giảm nhẹ so với cùng kỳ 2019, lần lượt đạt 8,86 và 0,96 do doanh thu của HABECO giảm so với cùng kỳ, dẫn tới giá vốn hàng bán được ghi nhận cũng giảm theo đó.

Về các chỉ tiêu sinh lời, cả 03 chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của HABECO đều tăng mạnh, lần lượt đạt 12,02%; 8,49 % và 8,86 % ở mức cao so với trung bình ngành. Sự gia tăng của các chỉ số này chủ yếu đến từ việc Lợi nhuận sau thuế của HABECO đã tăng mạnh về cuối năm.

Các chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,80	2,58
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,53	2,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,33	0,25
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,5	0,34
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,53	8,86

Vòng quay tổng tài sản	vòng	1,10	0,96
------------------------	------	------	------

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,60	8,86
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	10,68	12,02
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	6,36	8,49
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,97	6,51

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phần: 231.800.000 cổ phần, trong đó:
 Cổ phần phổ thông: 231.800.000 cổ phần
 Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
 Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 231.800.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Nhóm cổ đông	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/Tổng số cổ phần (%)
1	Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79
2	Cổ đông chiến lược Carlsberg Breweries A/S	40.198.200	17,34
3	Cổ đông khác	2.009.400	0,87
	- Trong nước	1.792.540	0,77
	- Nước ngoài	216.860	0,1
	Tổng cộng	231.800.000	100

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ:
 Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
 Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2020

Những giải pháp đã thực hiện năm 2020

Tình hình tài chính

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội trong năm 2020

CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 309,9 triệu lít, tăng 37,7% so với kế hoạch, trong đó:

Tiêu thụ bia các loại đạt 307,8 triệu lít, tăng 37,9% so với kế hoạch.

Tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua đạt 2,1 triệu lít, tăng 10,4% so với kế hoạch.

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 5.893,8 tỷ đồng, tăng 39% so với kế hoạch.

Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ đạt 708,8 tỷ đồng, tăng 126,4% so với kế hoạch và tăng 15,6% so với cùng kỳ 2019. Tổng lợi nhuận trước thuế trên báo cáo hợp nhất đạt hơn 767 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2019.

Tổng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 625,3 tỷ đồng, tăng 152,2% so với kế hoạch và tăng 24,6% so với cùng kỳ 2019. Tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất đạt hơn 660,6 tỷ đồng, tăng hơn 26% so với năm 2019.

Giải pháp đã thực hiện năm 2020

Công tác truyền thông và phát triển thương hiệu

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Chiến lược phát triển thương hiệu 2019-2021 với mục tiêu nâng tầm vị thế của doanh nghiệp sản xuất bia Việt Nam, tiếp cận và tương tác tối đa với đối tượng khách hàng mục tiêu, đẩy mạnh phát triển thương hiệu, hỗ trợ các chiến dịch truyền thông chiến lược 360°, thúc đẩy hoạt động bán hàng, tiêu thụ các sản phẩm mang thương hiệu HABECO. Theo đó, tập trung vào việc quản lý thương hiệu tổng thể, đa dạng hóa phương tiện truyền thông, phủ sóng thương hiệu trên các hệ sinh thái phù hợp thông qua các chiến dịch truyền thông tổng quan diện rộng và các hoạt động truyền thông tương tác trực tiếp.

Trong năm, hình ảnh thương hiệu Bia Hà Nội đã được quảng bá mạnh mẽ trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện thông qua chiến dịch truyền thông “Tôi yêu Bia Hà Nội” với sự đồng hành của ba người nổi tiếng đại diện cho ba thế hệ luôn dành tình cảm cho Bia Hà Nội. Chiến dịch đã giúp khách hàng trên toàn quốc cảm nhận sâu sắc hơn những giá trị Văn hóa - Truyền thống - Cộng đồng của một thương hiệu Việt lâu đời đã trở thành một nét văn hóa của người Việt, đưa thương hiệu Bia Hà Nội đạt Top 3 Bảng xếp hạng ngành bia tháng 8/2020.

Là một nét đặc trưng cho dịp Tết Nguyên Đán của người Việt, hình ảnh thương hiệu Bia Hà Nội cũng được truyền thông hiệu quả trên tất cả các kênh thông qua chiến dịch “Vị Bia làm nên sắc Tết”, đưa Bia Hà Nội trở thành một thương hiệu đại diện cho dịp lễ truyền thống trọng đại nhất trong năm. Bên cạnh thiết kế bao bì ấn tượng cùng thông điệp truyền thông ý nghĩa, lần đầu tiên Bia Hà Nội tổ chức đồng thời hai chương trình khuyến mại dành cho sản phẩm Bia Hà Nội vàng và Bia Hà Nội xanh, mang đến một mùa Tết rực rỡ cho HABECO.

Đặc biệt, việc chú trọng công tác mở rộng kênh truyền thông phủ sóng 360° giúp HABECO tương tác toàn diện đến đối tượng khách hàng mục tiêu. Trong đó, tài khoản Zalo Official của Bia Hà Nội thu hút đông đảo lượng khách hàng quan tâm, đạt mức tăng trưởng 352% lượng người theo dõi chỉ sau 2 tháng triển khai. Trên các kênh truyền thông truyền thống như truyền hình, Habeco cũng đẩy mạnh mở rộng phạm vi quảng cáo truyền hình phủ sóng 8 thị trường bán hàng trọng điểm tại các tỉnh.

Bên cạnh đó, HABECO ngày càng đổi mới công tác truyền thông trực tiếp nhằm mục tiêu tăng cường nhận diện thương hiệu với khách hàng, tăng cường trải nghiệm của khách hàng với các sản phẩm của HABECO. Lần đầu tiên, HABECO mang sắc Tết đến với 11 tỉnh thành trên khắp cả nước thông qua chuỗi “Quầy bán Bia Hà Nội Tết 2021”, tạo ấn tượng mạnh mẽ về mặt hình ảnh và nhanh nhạy đón đầu hoạt động bán hàng trước các đối thủ cạnh tranh, từ đó thúc đẩy hiệu quả hoạt động bán hàng, tăng trưởng sản lượng tiêu thụ sản phẩm dịp Tết 2021.

Về sản phẩm

Trong hoàn cảnh khó khăn khi toàn thị trường chịu tác động kép của Nghị định 100/2019NĐ-CP và Dịch bệnh Covid-19, HABECO đã có động thái nhanh nhạy trong việc nghiên cứu phát triển và đưa ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng trong bối cảnh “bình thường mới”. Đặc biệt, sản phẩm Bia Hơi Hà Nội 500ml và Bia Hơi Hà Nội 1 lít nhận được những đón nhận tích cực từ người tiêu dùng.

Ngoài ra, đánh dấu kỷ niệm tròn 1 năm ra mắt thương hiệu Hanoi BOLD & Light, hai sản phẩm lon dung tích 330ml cho Hanoi BOLD và Hanoi Light cũng đã được trình diện trên thị trường vào tháng 06/2020, hoàn thành bộ sản phẩm của thương hiệu dành cho giới trẻ của HABECO.

Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội. Với thiết kế tinh tế, kiểu dáng hiện đại và chất lượng tuyệt hảo, Bia Hà Nội 1890 đại diện cho những giá trị văn hóa của dân tộc với sứ mệnh luôn đồng hành cùng lịch sử phát triển của Việt Nam.



Về quản trị tài chính



Tiếp tục khai thác hiệu quả của Hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) để hỗ trợ bộ phận quản lý và Ban lãnh đạo Tổng công ty tiếp cận một cách nhanh chóng và chính xác các số liệu sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời để xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất, bán hàng cũng như tận dụng những cơ hội mới để phát triển.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh, Habeco đã cắt giảm nhiều hạng mục công việc chưa cần phải thực hiện ngay để tiết giảm tối đa chi phí, thực hiện việc chào hàng cạnh tranh theo đúng quy định để tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, dịch vụ với mức giá tốt nhất, đồng thời làm việc với các nhà cung ứng để giữ ổn định giá trong điều kiện sản lượng tiêu thụ suy giảm... nhờ đó phần lớn các chi phí đều theo sát kế hoạch đã xây dựng.

Thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành, đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Công tác nhân sự



Năm 2020, do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid-19, Tổng công ty đã chủ động thực hiện sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo tình hình dịch bệnh, bố trí giảm thời gian làm việc, cho người lao động nghỉ luân phiên, nghỉ chờ việc hưởng lương tối thiểu vùng. Mặc dù đã tìm mọi biện pháp nhưng để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình mới, Tổng công ty vẫn phải thực hiện soát xét, sửa đổi giảm định mức, định biên lao động tương ứng với KHSXKD bị ảnh hưởng do tác động dịch bệnh Covid-19, có chính sách hỗ trợ cho người lao động nghỉ chấm dứt Hợp đồng lao động, tổng số lao động giảm 128 người, tương đương tỷ lệ 20% trên tổng số lao động của Tổng công ty.

Sửa đổi và ban hành lại Quy chế trả thu nhập, hệ thống thang bảng lương đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

Công tác kỹ thuật, chất lượng, ISO

Rà soát, sửa đổi cập nhật quy trình công nghệ, xây dựng cập nhật các tiêu chuẩn chất lượng theo hướng tiên tiến hơn và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Triển khai các thử nghiệm thay đổi bao bì, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất như nắp lon, nhãn giấy, phôi nước, keo dán, keo khô, hóa chất khử trùng... nhằm tối ưu hóa định mức kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí sản xuất, tăng tính cạnh tranh giữa các nhà cung cấp.

Tổ chức ring test các chỉ tiêu chỉ tiêu hóa lý, vi sinh vật, cảm quan đối với bia thành phẩm trong nội bộ và trong toàn hệ thống để nâng cao tay nghề KCS, căn chỉnh thiết bị phân tích, năng lực kiểm soát vi sinh vật tại chỗ cho các phòng thí nghiệm tại công ty mẹ và các công ty con; đào tạo củng cố, nâng cao kiến thức cảm quan...

Nghiên cứu thử nghiệm nhiều sản phẩm mới phục vụ cho mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm: bia không cồn, cider vị hoa quả, bia hoa quả, nước tăng lực.... Hoàn thành nâng cấp hệ thống ISO 22000 phiên bản 2005 lên 2018 trong toàn bộ hệ thống.

Công tác đầu tư

Hoàn thiện dự án xây dựng khu nhà làm việc Khối Kỹ thuật tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh. Golive dự án ERP trong tháng 12/2019, tích hợp hóa đơn điện tử và hoàn thiện các báo cáo tồn đọng năm 2020.

Hoàn thành các thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu CN Tiên Sơn - Bắc Ninh; Qua đó hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho hầu hết các khu đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty.

Công tác xã hội khác

Duy trì tốt và chủ động việc thăm hỏi, trợ cấp ốm đau cho cán bộ CNVCLĐ bị đau yếu và có hoàn cảnh khó khăn; giải quyết tốt các chế độ chính sách của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, phúc lợi....; duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương và một số hoạt động từ thiện khác, tham gia ủng hộ nhân dân bị ảnh hưởng mưa lũ tại các tỉnh miền Trung. Số tiền từ thiện xã hội năm 2020 là hơn 4 tỷ đồng.



Tình hình tài chính

Trong năm 2020, HABECO chịu sự ảnh hưởng rất lớn trước tác động kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ và ảnh hưởng bất thường của dịch bệnh Covid 19, làm cho tình hình sản xuất kinh doanh rất khó khăn. Trước tình hình đó, tập thể Ban lãnh đạo HABECO đã phát huy nỗ lực, sáng tạo trong điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Từ đó tình hình tài chính của HABECO vẫn đảm bảo lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. HABECO không bị mất cân đối tài chính, vốn lưu động ròng luôn dương trong năm, tại thời điểm 31/12/2020 vốn lưu động ròng đạt 2.527,9 tỷ đồng.

HABECO luôn chấp hành đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) tại thời điểm 31/12/2020 đạt lần lượt 12,02 % và 8,49 %.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	4.196.519.232.073	53,99%	4.500.753.443.175	58,57%	7,25%
B. Tài sản dài hạn	3.575.656.866.108	46,01%	3.183.319.157.800	41,43%	-10,97%
Tổng tài sản	7.772.176.098.181	100%	7.684.082.600.975	100%	-1,13%

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng tài sản của HABECO đạt 7.684 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,13% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tổng tài sản, tài sản ngắn hạn là 4.500,7 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 58,57 % tổng tài sản, tài sản dài hạn là 3.183,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 41,43% tổng tài sản. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn đang ở mức hợp lý phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng/ giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	2.328.507.312.879	89,88%	1.746.185.904.092	89,61%	-25,01%
B. Nợ dài hạn	262.105.593.555	10,12%	202.358.681.310	10,39%	-22,79%
Nợ phải trả	2.590.612.906.434	100,00%	1.948.544.585.402	100,00%	-24,78%

Tại thời điểm ngày 31/12/2020, tổng nợ phải trả của HABECO là hơn 1.948 tỷ đồng, giảm 24,78% so với năm trước. Nợ ngắn hạn giảm 25,01% xuống còn 1.746 tỷ đồng, trong khi đó, nợ dài hạn giảm 22,79 % xuống còn 202,36 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả, lên tới 89,61%. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao và giảm mạnh trong năm. Năm 2020, HABECO đã tập trung thanh toán công nợ với các nhà cung cấp. Phải trả người bán ngắn hạn giảm 32,42% từ 807 tỷ xuống gần 546 tỷ đồng.

Nợ dài hạn chỉ chiếm 10,39% trong cơ cấu nợ của HABECO. Trong đó, phải trả dài hạn khác giảm hơn 21% từ 126,5 tỷ xuống 99,67 tỷ do phải trả dài hạn từ nhận ký quỹ, ký cược giảm tương ứng. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn cũng giảm khoảng 24%. Do đó, nợ dài hạn đã giảm gần 23%, tương ứng gần 60 tỷ đồng.



Tình hình chung

Năm 2021 tiếp tục là năm nhiều thách thức đối với Habeco. Theo nhận định của Bộ Y tế, cuộc chiến với Covid-19 không thể kết thúc trong 6 tháng đầu năm, thậm chí có thể cả năm 2021. Nguồn cung vắc xin còn nhiều hạn chế, giải pháp chủ yếu để không chế dịch bệnh đang được thực hiện là khoanh vùng, cách ly, giãn cách... sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế xã hội, kéo theo sự suy giảm của nhiều ngành nghề kinh tế. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng, vận tải... tiếp tục gánh chịu những tổn thất to lớn trong năm Covid thứ 2, thu nhập của nhiều lao động giảm sút và không ổn định. Tất cả những khó khăn này sẽ trực tiếp tác động, làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng sản phẩm bia, rượu, nước giải khát.

Đối thủ cạnh tranh

Các đối thủ cạnh tranh tập trung nguồn lực rất lớn vào việc thực hiện các chương trình khuyến mại đến người tiêu dùng xuyên suốt năm, đầu tư rất nhiều cho hệ thống phân phối, đồng thời liên tục đưa ra thị trường các sản phẩm mới nhằm đa dạng danh mục sản phẩm và cạnh tranh trực tiếp vào phân khúc phổ thông, vốn là thế mạnh của HABECO. Tháng 4/2020, Heineken Việt Nam đã tung ra sản phẩm Bia Việt; tháng 6/2020, sản phẩm Bia Lạc Việt của Sabeco ra mắt, đây là những sản phẩm thuộc phân khúc phổ thông, cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm Bia Hà Nội. Tháng 9/2020, Sabeco tiếp tục tung sản phẩm Saigon Chill thuộc phân khúc cận cao cấp với mục tiêu cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm Hanoi Premium, Hanoi BOLD và Hanoi Light. Carlsberg cũng cho thấy những nỗ lực bằng việc mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm HUDA tại thị trường Miền Bắc...



Mục tiêu và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

Tiếp tục duy trì vị thế số 1 tại thị trường Miền Bắc và Bắc Miền Trung.

Tái cấu trúc danh mục thương hiệu và sản phẩm để nâng cao thị phần tại các khu vực thị trường.

Trên cơ sở mục tiêu trên, HABECO xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
Tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu	Triệu lít	280
<i>Trong đó</i>		
- Bia các loại	Triệu lít	278,2
- Nước uống đóng chai Uniaqua	Triệu lít	1,8
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Triệu lít	5.391,6
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu lít	319,15
Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu lít	255,14

GIẢI PHÁP

Công tác bán hàng

Xây dựng Chiến lược thương hiệu nhằm tập trung khai thác đúng phân khúc thị trường.

Tiếp tục hoàn thiện công tác Quy hoạch nhà phân phối.

Triển khai ứng dụng công nghệ (phần mềm DMS) trong quản lý và tổ chức bán hàng.

Tăng cường và cải thiện độ phủ và chất lượng độ phủ hàng hóa của Habeco trên toàn Miền Bắc, gia tăng nhanh chóng tại Miền Trung và Miền Nam. Triển khai hệ thống E-Commerce và Kênh siêu thị, ưu tiên Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Tiếp tục phát triển thương hiệu, khai thác lợi thế: Thương Hiệu Việt, tính truyền thống, “Gìn Giữ Tinh Hoa Nâng Tầm Vị Thế”, “Một Nét Văn Hóa Hà Nội” của thương hiệu Habeco.

Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, nâng cao năng lực và kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường trong bối cảnh mới.

Tiếp tục đổi mới, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, hoàn thiện dần các sản phẩm mới (cả về hình thức và chất lượng) để phát triển thành sản phẩm trọng điểm tại từng phân khúc thị trường theo chiến lược phát triển đã đề ra.

Công tác tài chính

Quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền hiệu quả, đảm bảo đáp ứng vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm của HABECO.

Quản trị tốt tình hình thực hiện chi phí sản xuất nhằm góp phần gia tăng giá trị cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí, dự báo kịp thời kết quả sản xuất kinh doanh từng thời kỳ, đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã đề ra.

Tiếp tục công tác thoái vốn tại những đơn vị đầu tư ngoài ngành.

Nghiên cứu, khai thác và áp dụng các giải pháp tài chính hỗ trợ các công ty thành viên khó khăn, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và qua đó, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của HABECO.

Công tác tổ chức, lao động

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành.

Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty. Lao động tuyển dụng tăng chủ yếu sẽ là lao động kỹ thuật công nghệ trong các dây chuyền chiết, lao động phục vụ công tác phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, truyền thông.

Tiếp tục triển chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nhiều biến động.

Công tác chất lượng, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật công nghệ

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để giảm chi phí sản xuất, chi phí và áp lực xả thải ra môi trường cho trên toàn hệ thống sau khi đã thử nghiệm thành công tại Tổng công ty. Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng bia, giảm giá thành sản xuất.

Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ kỹ thuật tại các đơn vị thành viên trong công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

Cải tiến liên tục, nâng cao hiệu quả và chất lượng phần mềm quản lý hệ thống ISO, hướng đến tích hợp với các phần mềm của các bộ phận khác tại Tổng công ty nhằm tối ưu hóa việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (xây dựng các phần mềm chuyên biệt, đặc thù) vào việc quản lý chất lượng, quản lý sản xuất.

Xây dựng các chương trình thúc đẩy thêm các sáng kiến ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn, hoạt động sản xuất, nhằm nâng cao tính sáng tạo của người lao động hơn.

Nghiên cứu phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu chuyên sâu, khai thác các thiết bị phân tích hiện đại để đánh giá sâu hơn chất lượng bia cả về hóa lý, vi sinh, cảm quan.

Nâng cao kỹ năng cảm quan của cả hệ thống, sử dụng công cụ cảm quan một cách hữu hiệu trong việc xác định các nguy cơ về công nghệ, thiết bị trong việc kiểm soát quá trình.

Công tác đầu tư, sửa chữa

Xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư hệ thống lọc bia, nâng cao năng lực chiết rót, đóng gói sản phẩm, bổ sung bồn chứa lên men... để tăng năng suất, hiệu suất của dây chuyền.

Cải tạo dây chuyền chiết bia để đa dạng hoá sản phẩm phục vụ nhu cầu của thị trường và hệ thống kho chứa hàng để đảm bảo chất lượng hàng hoá lưu kho.

Triển khai Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO và triển khai bổ sung phân hệ quản lý sản xuất, quản lý chất lượng trên hệ thống SAP ERP HABECO.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội năm 2020

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001 về môi trường. Nước thải trong quá trình sản xuất đều được xử lý đạt yêu cầu thông qua hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy sản xuất. 100% chất thải nguy hại được xử lý theo đúng quy định của pháp luật: phân loại để riêng, có thùng chứa đựng, kho tập kết và đều có hợp đồng với Công ty có giấy phép chuyên xử lý các loại chất thải này để xử lý. Trong năm, HABECO không có đơn vị nào vi phạm pháp luật và không phát sinh sự cố về môi trường.



Các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.

HABECO đã thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phù hợp với các nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.



HABECO đã tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng và môi trường với các hoạt động cụ thể, thể hiện trách nhiệm, ý thức của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường và xã hội.



Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá về các mặt hoạt động

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2020 có thể nói là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành đồ uống nói riêng bởi tác động kép của Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính Phủ và dịch bệnh Covid-19. HABECO cũng là doanh nghiệp không nằm ngoài các khó khăn đó.

Trong năm 2020, với sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên HABECO, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến người lao động HABECO đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận ở cả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Những tác động đến từ Nghị định 100 và đại dịch Covid-19 đã tạo ra động lực để HABECO nghiên cứu và cho ra mắt các dòng sản phẩm mới, bao gói tiện dụng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Các hoạt động truyền thông, marketing thương hiệu và các sản phẩm của HABECO cũng được đẩy mạnh trên nền tảng số - kênh truyền thông tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả nhất hiện nay. Cùng với đó, các hoạt động activation giới thiệu sản phẩm tại điểm bán, chương trình khuyến mại với giá trị giải thưởng lớn cũng được HABECO đẩy mạnh vào dịp cuối năm, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng tham gia.

Cùng với việc đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường, chiến lược phát triển bền vững được HABECO cụ thể hóa qua các hoạt động vì cộng đồng và môi trường mà doanh nghiệp góp mặt.

HABECO luôn tích cực thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện xã hội với hiệu quả cao và ngày càng thiết thực.

Thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phù hợp với các nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

Đối với Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của HABECO;

Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư;

Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của HABECO.

Đối với các cán bộ, quản lý khác

Các phòng, ban, đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Cán bộ quản lý làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Kế hoạch, các chỉ tiêu năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
Tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu:	Triệu lít	280
Trong đó:		
Bia các loại	Triệu lít	278,2
Nước uống đóng chai Uniaqua	Triệu lít	1,8
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính	Tỷ đồng	5.391,6
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	319,15
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	255,14
Cổ tức	%	6,5

Để triển khai kế hoạch kinh doanh của HABECO, HĐQT đề ra các biện pháp chỉ đạo điều hành linh hoạt, hiệu quả, quyết liệt hơn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

Công tác quản trị

Nâng cao chất lượng quản trị. Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh của HABECO, đạt được tín nhiệm của cổ đông và các nhà đầu tư. Cập nhật các hình thức quản trị hiện đại, phù hợp với môi trường kinh doanh quốc tế cho cán bộ lãnh đạo cao cấp và trung cấp. Tham gia tích cực các chương trình nâng cao nghiệp vụ quản trị hàng năm dành cho các cấp Lãnh đạo do Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức uy tín tổ chức.

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành được quy định trong Điều lệ Tổng công ty. Nâng cao năng lực quản trị, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của HABECO và các Công ty thành viên. Chỉ đạo và thực hiện tốt các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021. Tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt một số nhiệm vụ quan trọng.

Công tác tổ chức Sản xuất – Kinh doanh

Trong năm 2021, HĐQT HABECO tiếp tục chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

Đổi mới, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, hoàn thiện dần các sản phẩm mới, xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng bia, giảm giá thành sản xuất, thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ kỹ thuật tại các đơn vị thành viên.

Cải tiến liên tục, nâng cao hiệu quả và chất lượng phần mềm quản lý hệ thống, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất, nâng cao kỹ năng cảm quan của cả hệ thống....



Công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu

Năm 2021, HABECO xây dựng Chiến lược thương hiệu nhằm tập trung khai thác đúng phân khúc thị trường, tăng cường và cải thiện độ phủ và chất lượng độ phủ hàng hóa của Habeco trên toàn Miền Bắc, gia tăng nhanh chóng tại Miền Trung và Miền Nam.



Công tác đầu tư

Trong năm 2021, HABECO tiếp tục xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư, cải tạo hệ thống kho chứa hàng, đảm bảo chất lượng hàng hóa lưu kho, triển khai Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO...

Nguồn nhân lực

Năm 2021, HABECO tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất, kiện toàn chức năng nhiệm vụ các Phòng ban theo yêu cầu công tác quản lý và điều hành; Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động cũng như có phương án tuyển dụng, bổ sung lao động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty; Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo để củng cố và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong giai đoạn thị trường cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng của môi trường tự nhiên nhiều biến động

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các khoản giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm vừa qua, HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của HABECO, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn phòng HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT	01/05/2013	18/18	36,79% vốn điều lệ
2	Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên HĐQT	28/06/2018	18/18	25% vốn điều lệ
3	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	06/09/2019	18/18	10% vốn điều lệ
4	Ông Trần Thuận An	Thành viên HĐQT	06/09/2019	18/18	10% vốn điều lệ
5	Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên HĐQT	22/01/2020	16/18	17,34 % vốn điều lệ
6	Bà Quản Lê Hà	Thành viên độc lập	22/01/2020	16/18	0% vốn điều lệ
7	Ông Stefano Clini	Thành viên HĐQT	22/01/2020 (ngày miễn nhiệm)	0/18	0% vốn điều lệ

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống HABECO, HĐQT thường xuyên theo dõi, kiểm tra và giám sát chỉ đạo Ban điều hành, theo sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) để tổ chức thực hiện với tinh thần tích cực, cẩn trọng.

Để thực hiện và hoàn thành Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, HĐQT ban hành 25 Nghị quyết, trong đó 18 Nghị quyết thông qua các phiên họp trực tiếp của HĐQT và 07 Nghị quyết thông qua việc xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Đối với các nghị quyết của HĐQT đã được thông qua, hàng tháng đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả trong từng phiên họp HĐQT.



Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2020 thông qua các vấn đề chính sau:

Về hoạt động kinh doanh

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh của HABECO như:

Thống nhất với Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 trình ĐHCĐ thường niên 2020 xem xét thông qua.

Thông qua chính sách trả chậm tiền hàng đối với Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO. Thống nhất hoàn nhập chi phí dự phòng về khoản phạt phát sinh đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt tăng thêm theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư Hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco.

Thống nhất danh mục ngành nghề kinh doanh bổ sung và nội dung sửa đổi Điều lệ trình ĐHCĐ thường niên 2020.

Thống nhất về định mức nguyên vật liệu, hóa chất cho sản phẩm bia hơi HN, Bia lon Hà Nội nhãn đỏ, bia chai Hà Nội nhãn đỏ, Bia chai/lon Hanoi Beer Premium, bia chai/lon Trúc Bạch, bia chai/lon Hà Nội nhãn xanh.

Thống nhất phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn thoái vốn của Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu Nước giải khát Hà Nội tại Công ty cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội.

Phê duyệt kế hoạch mua sắm trang thiết bị theo nội dung đề xuất của Văn phòng Hội đồng quản trị.

Về tổ chức lao động

Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng HABECO.

Phê duyệt và ban hành Quy định phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Habeco. Bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc HABECO.

Thống nhất nội dung về Danh sách nhân sự đại diện phần vốn, giới thiệu tham gia HĐQT và nhân sự Kiểm soát viên của HABECO tham gia Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp khác. Thống nhất các nội dung về phương án sắp xếp, bố trí lao động năm 2020 do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid-19.

Thống nhất kiện toàn nhân sự đại diện phần vốn, kiểm soát viên của Habeco tại các doanh nghiệp khác.

Thống nhất kết quả đánh giá Người đại diện vốn và Kiểm soát viên của Habeco tại doanh nghiệp khác năm 2019.

Bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Người phụ trách quản trị HABECO. Phê duyệt rà soát, sửa đổi định mức, định biên lao động và chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, Nhà máy.

Thống nhất kế hoạch lao động năm 2020.

Thống nhất quyết toán tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch tiền lương, tiền thưởng năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc.

Thống nhất về các chỉ tiêu tiền lương năm 2020 của HABECO.

Về ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Trong năm 2020, HABECO đã thực hiện rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định nội bộ sau:

Quy chế sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số trên Hệ thống văn bản điện tử.

Quy chế dân chủ.

Quy chế chi tiêu nội bộ.

Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi.

Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ

Thống nhất nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế trả thu nhập.

Về hoạt động của các công ty thành viên

HABECO hiện có 26 công ty thành viên, trong đó, có 16 công ty chiếm tỷ lệ sở hữu trên 50% vốn điều lệ; 06 công ty có tỷ lệ sở hữu từ 20% đến dưới 50% vốn điều lệ và 04 Công ty có tỷ lệ sở hữu dưới 20% vốn điều lệ. Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động của công ty thành viên thông qua cử người đại diện vốn tham gia vào HĐQT, Ban điều hành của các công ty. Người đại diện vốn của HABECO tại các công ty thành viên thực hiện đúng chế độ thông tin, báo cáo, xin ý kiến HĐQT Tổng công ty về các nội dung tham gia biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty thành viên, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện phê duyệt chủ trương kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm chức danh Giám đốc, Kế toán trưởng.. của một số công ty.

Về hoạt động đầu tư

Thống nhất chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm bia hơi đóng chai PET.

Thống nhất chủ trương đầu tư Hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV HABECO.

Phê duyệt chủ trương đầu tư “Dự án Đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại các công ty thương mại”.

Thống nhất đề xuất của Tổng Giám đốc về chủ trương đầu tư trang thiết bị để sản xuất sản phẩm bia hơi loại keg 2 lít.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị

Ông Trần Đình Thanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Ngô Quế Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Vũ Xuân Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trần Thuận An - Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2020, Bà Quản Lê Hà đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty cũng như các quy chế, quy định nội bộ của Habeco. Cùng với các thành viên HĐQT khác, bà Quản Lê Hà đã có nhiều ý kiến đóng góp trong công tác quản trị HABECO.

Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi tham dự	Cổ phần sở hữu
1	Chữ Thị Thu Trang	Trưởng BKS	28/4/2016	05/05	Số cổ phần đại diện: 0 Số cổ phần sở hữu cá nhân:0 Đại diện sở hữu:0
2	Trần Minh Tuấn	Kiểm soát viên	25/4/2019	05/05	Sở hữu cá nhân:0
3	Thiều Hồng Nhung	Kiểm soát viên	22/01/2020	05/05	Số cổ phần đại diện:0 Số cổ phần sở hữu cá nhân:0
4	Bùi Hữu Quang	Kiểm soát viên	22/01/2020 (ngày miễn nhiệm)	00/05	Số cổ phần đại diện:0 Số cổ phần sở hữu cá nhân:0

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 05 lần với sự tham gia đầy đủ của các Kiểm soát viên. Nội dung:

Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất;

Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát;

Thông qua dự thảo nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ;

Thảo luận và thống nhất ý kiến đóng góp tại các cuộc họp lớn;

Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HABECO.

Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật như nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT với người lao động và các nghĩa vụ khác. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo quy định tại Quyết định số 1885/QĐ-BCT ngày 17/5/2016 của Bộ Công Thương.

Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty và các Văn bản pháp luật có liên quan để trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Tham gia các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp cần thiết của Ban điều hành.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được lập bởi Ban Tổng Giám đốc và đã được Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện kiểm toán.

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành

Hội đồng quản trị HABECO đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi, phân tích, đi đến quyết định thống nhất trong các thành viên. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 18 phiên họp, ban hành 18 Nghị quyết tại các phiên họp trực tiếp và 7 Nghị quyết thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản.

HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT HABECO.

Năm 2020, HABECO đã tiến hành kiện toàn bộ máy tổ chức, từng bước sắp xếp điều chỉnh, đề bạt bổ nhiệm một số cán bộ, lãnh đạo tại Công ty mẹ và một số Công ty thành viên.



Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Cổ đông

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của HABECO cũng như các quy chế, quy định trong hệ thống quy chế quản lý nội bộ HABECO để triển khai công tác giám sát.

Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành HABECO tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT, tham gia một số cuộc họp của Ban điều hành.

Ban kiểm soát giữ vững mối quan hệ chặt chẽ với các cổ đông, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HABECO theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông.



Ý kiến của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát ghi nhận về tính đầy đủ, rõ ràng của số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Báo cáo tài chính của HABECO đã được kiểm toán và công bố theo đúng quy định hiện hành.

Kiến nghị đề xuất

Năm 2021 được xác định là năm tiếp tục khó khăn đối với tình hình sản xuất kinh doanh của HABECO, do Luật phòng chống tác hại của rượu bia, Nghị định 100/2019/NĐ-CP, cùng với tác động từ đại dịch Covid - 19 đã gây tác động nghiêm trọng đến các ngành kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động kinh doanh dịch vụ, ăn uống. Trước những biến động lớn của môi trường kinh doanh, HABECO cần có chiến lược tổng thể để điều chỉnh, tái cấu trúc lại toàn Tổng công ty gồm Công ty mẹ và các công ty thành viên, định hướng kinh doanh, sản phẩm, vốn đầu tư.

Đẩy mạnh việc đào tạo các cán bộ cao cấp từ nội bộ Tổng công ty để có nguồn lực cấp trung cơ bản, lâu dài cho Tổng công ty và các Công ty thành viên.

Nghiên cứu và thực hiện tái cơ cấu vốn tại các Công ty thành viên.

Đề nghị phân tích, đánh giá hiệu quả về sản lượng, mặt hàng, doanh thu và lợi nhuận sau khi triển khai các chiến dịch quảng cáo và chương trình bán hàng, hướng đến việc giữ và phát triển thị phần.

Đề nghị đánh giá tổng kết sau 3 năm hệ thống các công ty thương mại và các giải pháp tiếp theo đảm bảo hiệu quả.

Đề nghị Tổng công ty tiếp tục triển khai thực hiện thoái vốn tại các công ty đầu tư ngoài ngành theo chủ trương đã được Bộ Công Thương phê duyệt.

Đối với các công ty thành viên có kết quả sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, phát sinh lỗ và còn lỗ lũy kế, Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty thông qua Người đại diện vốn, kiểm soát viên tại đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sắp xếp và tinh giảm lao động nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

Đối với việc thu hồi công nợ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An, tổng công nợ phải thu đối với Công ty cổ phần Tổng công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào tại thời điểm 31/12/2020 là 40,46 tỷ đồng. Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty tiếp tục đơn đốc yêu cầu Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An tích cực và quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ.

Đối với Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội (“Halico”), lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 444,61 tỷ đồng gấp hơn 2 lần vốn điều lệ. Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty phối hợp với đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ xây dựng phương án thoái vốn tại Halico trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ban kiểm soát đề nghị Tổng công ty chỉ đạo Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty, phối hợp với HĐQT Công ty chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ tình hình kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm tối đa chi phí, quản lý tình hình tài chính của Công ty nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo để chấn chỉnh hoạt động quản lý.

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm định báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát sẽ thuê tư vấn độc lập hoặc phối hợp, điều động nhân sự kiểm toán nội bộ của Tổng công ty (khi cần thiết) để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc theo chuyên đề khi có phát sinh.

Lương, thưởng và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	KH tiền lương và thù lao theo NQ ĐHCĐ năm 2020	3.072.000.000
2	Thực hiện	3.745.004.868
	Tiền lương của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách	2.290.260.583
	Thù lao của thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm	1.454.744.285
3	Kết luận: chênh lệch thực hiện tăng so với KH thông qua ĐHCĐ	673.004.868

Đánh giá việc thực hiện quy định về quản trị công ty

HABECO đã công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, thực hiện đúng các quy định về quản trị công ty.

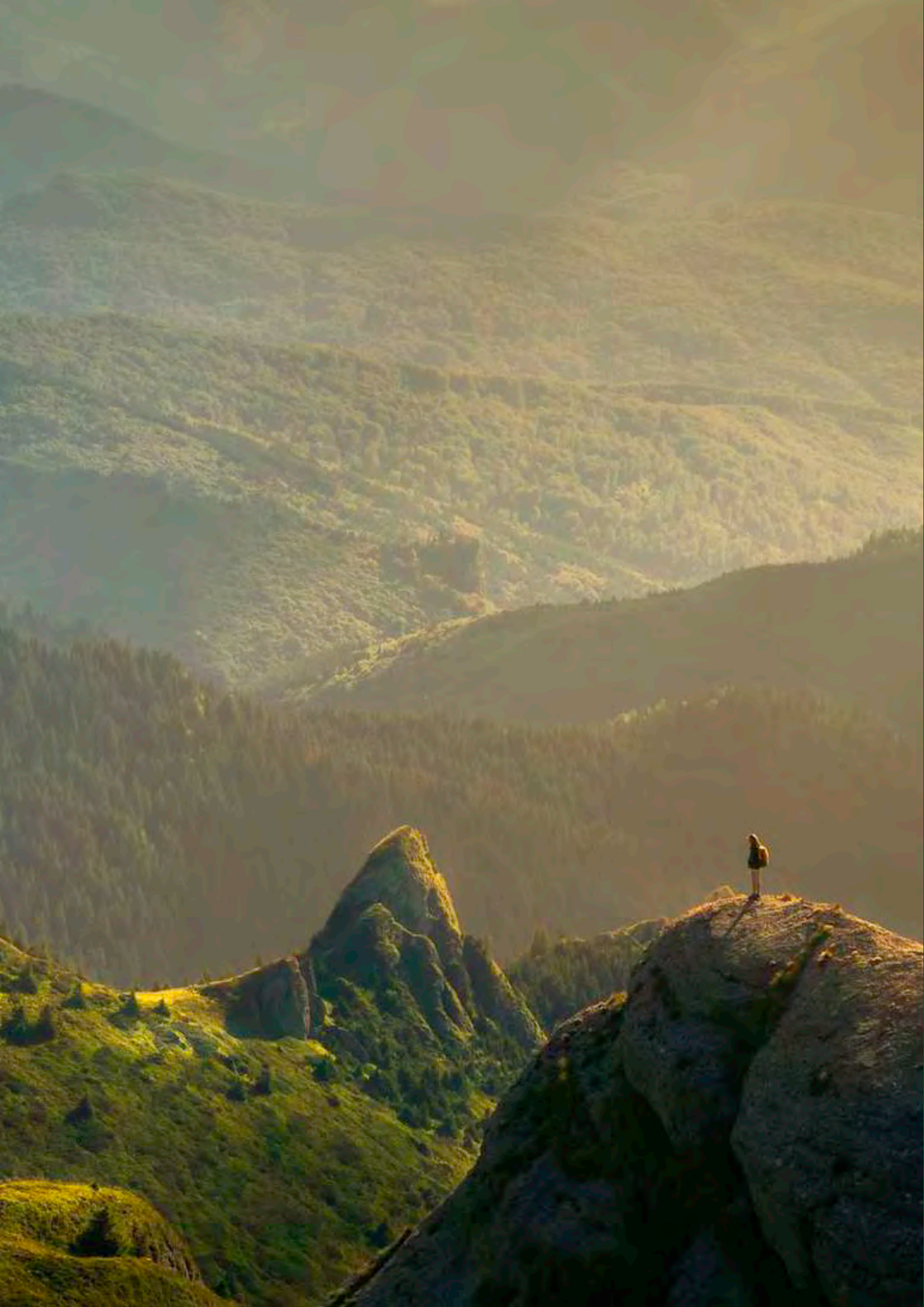
Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên. Tuy nhiên do chưa có nhân sự phù hợp nên HABECO hiện mới chỉ có 01 thành viên độc lập của HĐQT. Tổng công ty sẽ thực hiện kiện toàn lại thành phần Hội đồng quản trị theo tiêu chuẩn số lượng thành viên độc lập được quy định đối với công ty niêm yết trong thời gian sớm nhất.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tác động lên môi trường - phát thải khí nhà kính

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ năng lượng nước

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tác động lên môi trường – phát thải khí nhà kính

HABECO đã đi đầu trong việc hạn chế sự phát thải khí nhà kính bằng cách: đổi mới sang sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường như: sử dụng lò hơi đốt bằng các nhiên liệu tái tạo (như mùn cưa, củi gỗ vụn ép, ...) ít sinh ra khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính; sử dụng xe nâng hàng chạy điện thay cho dầu DO để giảm khí phát thải; đồng hành cùng các sự kiện “Giờ trái đất” đó là không chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn và các thiết bị sử dụng điện trong 1 giờ, HABECO có nhiều hành động hưởng ứng chiến dịch, từ chủ trương, chính sách quản lý nội bộ đến tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên thực hành tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường



Tiêu thụ năng lượng

Tổng lượng nước tiêu thụ năm 2020 của nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh và nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám năm 2020 là 945.124m³ giảm hơn 15,3% so với năm 2019. Nước tái sử dụng lại nguồn nước nóng sinh ra trong quá trình sản xuất tuần hoàn nước tại hệ thống thanh trùng và thu hồi 100% nước ngưng dùng lại cho lò hơi syngas, ngoài ra thêm một lượng nước nhỏ lẻ khác tại các bộ phận sản xuất khác. Tổng tỷ lệ lượng nước được tái sử dụng là khoảng 25%.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

HABECO luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nhà máy đều đạt chứng nhận ISO 14001; Nước thải trong quá trình sản xuất được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của bản thân Cty đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn giấy phép; Các chất thải nguy hại 100% được xử lý theo đúng quy định của pháp luật; Có đầy đủ các giấy phép về khai thác nước ngầm và xả nước thải vào nguồn nước; Lập và nộp các báo cáo về khai thác nước, xả nước thải và thu gom xử lý chất thải nguy hại đầy đủ và đúng thời gian. Trong năm đơn vị không vi phạm pháp luật, không phát sinh sự cố về môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất các sản phẩm chính của nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh và nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám như sau:

	Năm 2019	Năm 2020	Nhận xét
Mạch nha (kg)	19.306.916	15.731.711	Năm 2020 giảm hơn 18,52% so với năm 2019
Gạo (kg)	10.955.346	9.017.079	Năm 2020 giảm hơn 17,7% so với năm 2019
Đường (kg)	1.563.400	1.316.500	Năm 2020 giảm hơn 15,8 % so với năm 2019
Hoa Hublon (kg)	56.926,64	26.003,34	Năm 2020 giảm hơn 54,32% so với năm 2019

Tỉ lệ nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất các sản phẩm chính, dịch vụ chính của HABECO năm 2020 là 22,6% tăng hơn 0,6% so với năm 2019.

Tiêu thụ năng lượng:

Tổng lượng tiêu thụ điện năng năm 2020 nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh và nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám năm 2020 là 23,963 triệu kW điện giảm hơn 8,26% so với năm 2019.

Tổng lượng tiêu thụ hơi nước bão hòa (hơi nóng) năm 2020 của nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh và nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám năm 2020 là 68.747 tấn giảm hơn 15,24% so với năm 2019.



Các sáng kiến, cải tiến về tiết kiệm năng lượng

HABECO đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.

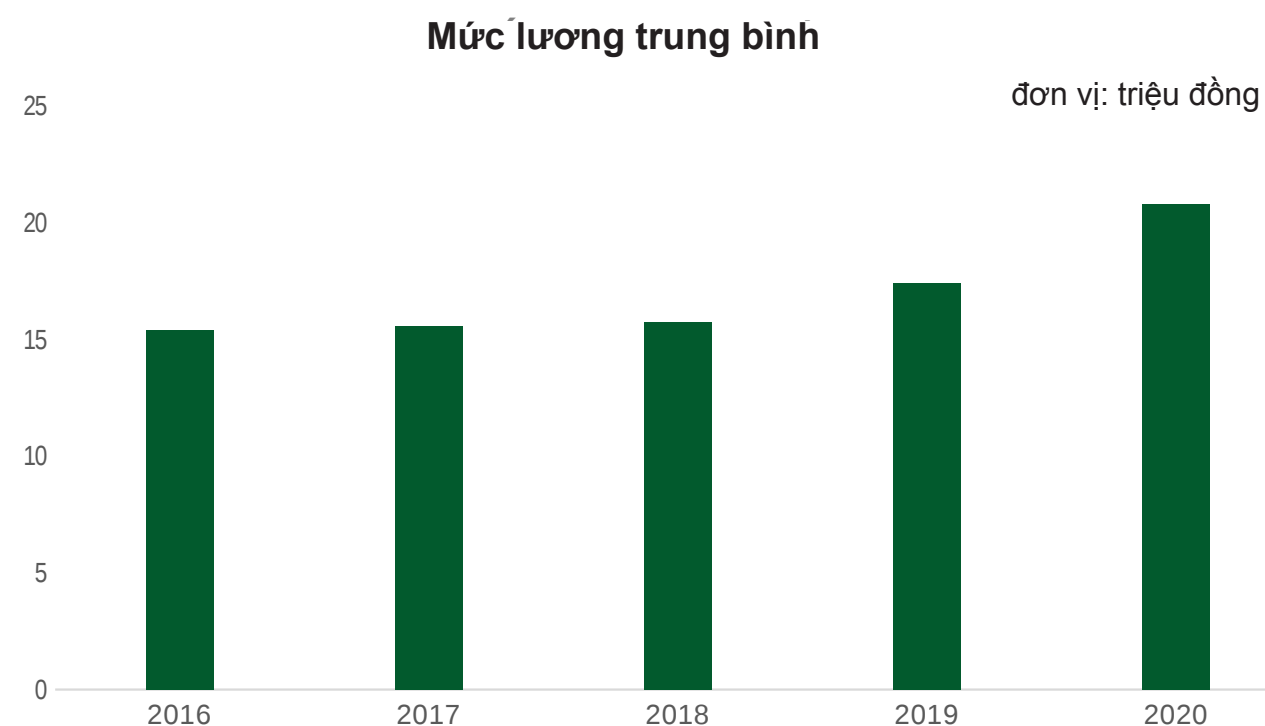
Trong năm 2020, HABECO có nhiều sáng kiến, cải tiến về các mặt trong đó có nhiều sáng kiến, cải tiến về tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng hiệu quả đã được áp dụng và triển khai đạt hiệu quả tốt như: Thay mới các đường ống, van, thiết bị cũ hỏng hoạt động không hiệu quả để tiết kiệm điện, nước; Sử dụng các thiết bị chiếu sáng mới (đèn LED) hiệu suất cao, tiết kiệm điện và tăng tỉ lệ chiếu sáng tự nhiên; Vận hành duy trì hệ thống thiết bị phù hợp theo giờ cao điểm thấp điểm, đảm bảo sử dụng năng lượng thấp nhất.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Bí quyết tạo nên thương hiệu Bia Hà Nội nằm ở những giá trị truyền thống hàng trăm năm kết hợp với công nghệ hiện đại cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) tâm huyết, lành nghề. Chính vì vậy bên cạnh việc đầu tư đổi mới công nghệ, HABECO luôn quan tâm thực hiện các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Tổng số lao động của HABECO đến thời điểm 31/12/2020 là 539 người, lao động bình quân năm 2020 là 577 người. Thu nhập bình quân năm 2020 của cán bộ công nhân viên HABECO là: 20,78 triệu đồng/người/tháng, tăng 19% so với cùng kỳ và bằng 131,58% kế hoạch năm.



Mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên HABECO trong giai đoạn 2016 – 2020 có xu hướng tăng trưởng ổn định.

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, phụ nữ...

Hoạt động đào tạo người lao động

Tổng công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được xây dựng phù hợp với các nhóm đối tượng học viên.

Đối với công nhân: Đảm bảo triển khai tổ chức đầy đủ các khóa đào tạo an toàn theo luật định. Bên cạnh đó công nhân thường xuyên được đào tạo củng cố kiến thức, kỹ năng vận hành máy móc thiết bị tại từng vị trí công việc, cũng như được bố trí đào tạo chéo các máy móc thiết bị để đáp ứng nhu cầu luân chuyển lao động khi cần.

Đối với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên: Ngoài các khóa theo luật định, các kỹ sư, chuyên viên thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tập huấn, cập nhật các quy định chính sách như lao động, tiền lương, tài chính, kế toán, marketing, kỹ thuật công nghệ...

Đối với cán bộ quản lý, ban lãnh đạo: Được tập trung đào tạo các khóa nâng cao năng lực quản lý, điều hành, xây dựng, định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp. Tổng Công ty thường xuyên mời các chuyên gia hàng đầu trong ngành về tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp quản lý.

Bên cạnh đó, Tổng công ty còn triển khai tổ chức các khóa đào tạo hỗ trợ cho các công ty trong toàn hệ thống, từ các khóa đào tạo cho cán bộ quản lý, tới các khóa kỹ thuật, công nghệ sản xuất bia. Đồng thời các khóa tập huấn, hội thảo cập nhật quy định chính sách cho toàn hệ thống luôn được triển khai kịp thời nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật và nâng cao năng lực người lao động.

Năm 2020, dưới ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và Nghị định 100/2019/NĐ-CP, hoạt động đào tạo cắt giảm phần lớn kinh phí để tiết giảm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty. Mặc dù vậy, Tổng công ty vẫn tổ chức được 21 khóa đào tạo, trong đó các khóa đào tạo theo luật định, các khóa đào tạo cập nhật các kiến thức mới cấp thiết vẫn được đảm bảo tổ chức đầy đủ.

Một số kết quả đạt được của công tác đào tạo 2020:

Tổng số khóa đã thực hiện: 21 khóa.

Điểm đánh giá chất lượng tổng thể hoạt động đào tạo năm 2020 đạt 9,08 điểm, đạt mục tiêu chất lượng năm 2020 của Tổng công ty.

Tổng số 964 lượt người tham gia đào tạo

Tổng thời gian đầu tư cho hoạt động đào tạo là: 227 buổi, trong đó đào tạo nội bộ chiếm 66 buổi (29%), đào tạo kết hợp đơn vị bên ngoài chiếm 161 buổi (71%), thời gian đào tạo dành cho công nhân nhiều nhất với 90 buổi.



TT	Nội dung	Thực hiện Tổng (khóa)	Điểm chất lượng trung bình
	Tổng số khóa đào tạo:	21	9,08
1	Đào tạo an toàn, ISO	6	
2	Cán bộ lãnh đạo, quản lý	1	
3	Khối chuyên môn, nghiệp vụ	7	9,12
4	Khối công nhân	5	9,05
5	Các nội dung tập huấn, cập nhật quy định, chính sách...	2	

Nhìn chung, năm 2020 đã triển khai thực hiện được các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định cũng như một số các nhu cầu đào tạo thiết yếu đặt ra từ đầu năm, kịp thời tổ chức các chương trình đào tạo cung cấp kiến thức, hiểu biết cho người lao động; chất lượng tổ chức các chương trình được cải thiện, đồng thời nâng cao được tính ứng dụng sau đào tạo của các khóa học.



Tình hình sử dụng quỹ an sinh xã hội năm 2020

STT	Nội dung	Thực hiện 2020
I	Nguồn quỹ ASXH	5.572.846.065
1	Số dư đầu năm	5.572.846.065
2	Trích trong năm	0
II	Chi quỹ ASXH	1.466.000.000
1	Hỗ trợ cho các chương trình, dự án nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng; hỗ trợ các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn cần sự trợ giúp của xã hội	210.000.000
2	Công tác đền ơn đáp nghĩa	1.126.000.000
3	Công tác hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo	110.000.000
4	Ứng hộ các chương trình phúc lợi công cộng khác	20.000.000
III	Số dư chuyển năm sau = (I - II)	4.106.846.065



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các nội dung công tác an sinh xã hội đã thực hiện

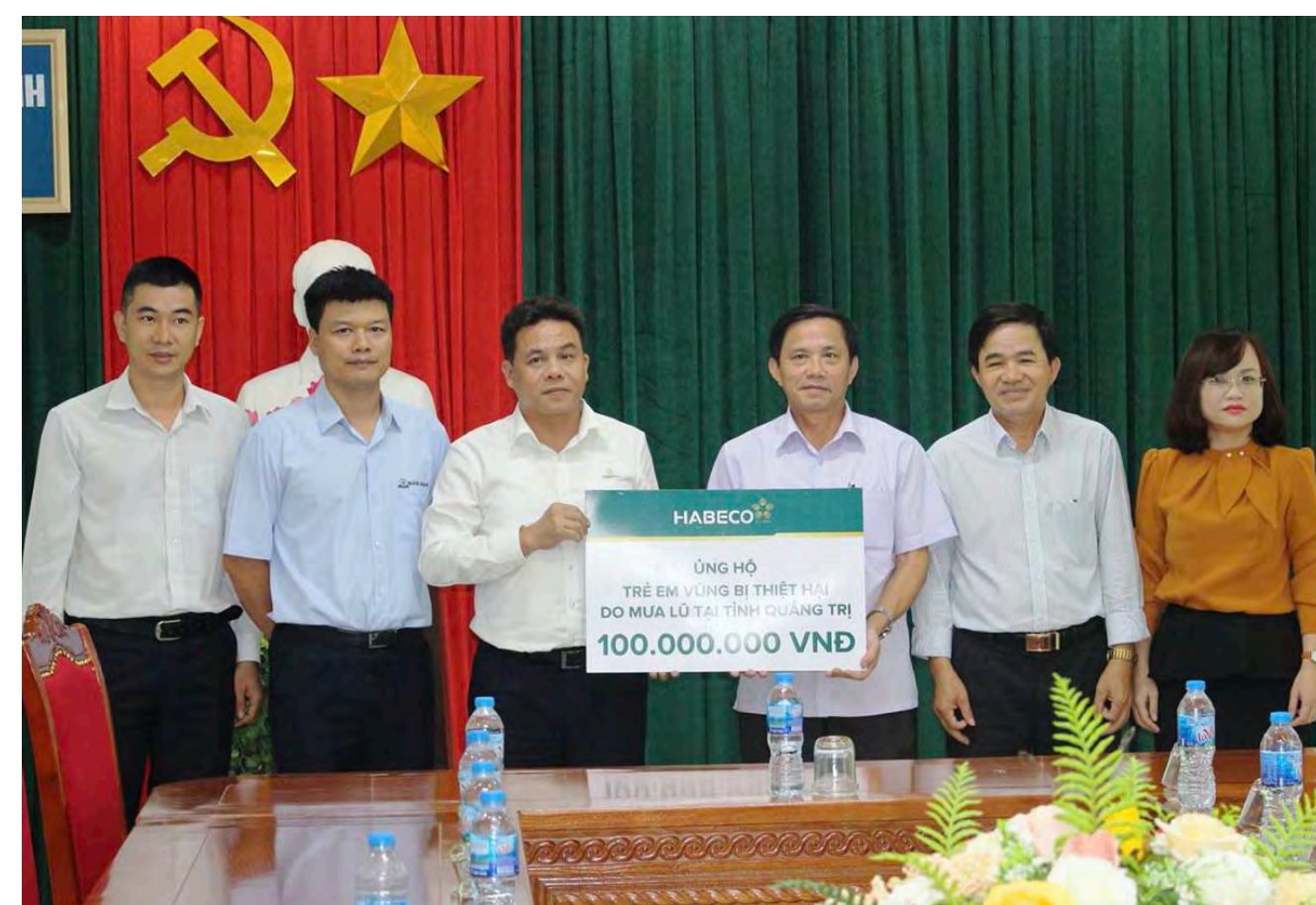
Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, HABECO luôn đề cao vai trò, trách nhiệm thực hiện an sinh xã hội của mình đối với cộng đồng. Trong năm 2020, HABECO đã triển khai nhiều hoạt động, bao gồm:

Hỗ trợ các chương trình nhằm khắc phục khó khăn do thiên tai; ủng hộ các chương trình dân sinh bị ảnh hưởng bởi bão lụt do Công đoàn Bộ Công Thương, Công đoàn Tổng công ty phát động tại Quảng Bình, Quảng Trị.

Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa: ủng hộ Ban liên lạc Thương binh Cơ quan Bộ Công Thương thực hiện thăm lại chiến trường xưa và thăm hỏi động viên thương binh lúc ốm đau, nằm viện điều trị vết thương tái phát; ủng hộ 03 xe ô tô đưa đón thân nhân Liệt sĩ và khách thăm viếng tại nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn – Quảng Trị; đóng góp các quỹ đền ơn đáp nghĩa của địa phương (phường Ngọc Hà; quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội) ...

Công tác hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo: ủng hộ quỹ vì người nghèo của địa phương (phường Ngọc Hà, Liễu Giai; quận Ba Đình; Tp. Hà Nội); chương trình Thoát nghèo bền vững tại huyện Mê Linh...

Ủng hộ các chương trình phúc lợi công cộng khác: ủng hộ Chương trình "Thắp sáng niềm tin cho em".



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 VÀ CÁC CÔNG TY CON**
 183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
 NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	13 – 49

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát

Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản số 01/NQ-ĐHĐCĐ-HABECO ngày 19/01/2021 thì Đại hội Đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, 2019 với tỷ lệ tương ứng là 13,8% và 14,5%. Ngày 22/01/2021, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-HABECO thống nhất chi trả cổ tức năm 2018, 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ nêu trên; Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 19/02/2021.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm 2020 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	
Ông Trần Thuận An	Thành viên	
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	Từ ngày 22/01/2020
Bà Quán Lê Hà	Thành viên độc lập	Từ ngày 22/01/2020

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng giám đốc	
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/5/2020
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 20/4/2020

138
K
H
V
T
H
M
VI
H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	Đến ngày 22/01/2020
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	Từ ngày 22/01/2020

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 49 và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2021



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
 29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 3908; 3910 6162 - Fax: 028. 3910 4880

Số: 134/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 8 tháng 4 năm 2021, từ trang 6 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội và các công ty con tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
 Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1

Tp. HCM, ngày 8 tháng 4 năm 2021

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2819-2019-152-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.500.763.443.175	4.196.519.232.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	818.705.165.651	1.297.005.461.608
1. Tiền	111		487.300.332.452	851.055.536.944
2. Các khoản tương đương tiền	112		331.404.833.199	445.949.924.664
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.386.211.000.000	1.570.539.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.386.211.000.000	1.570.539.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.457.518.077	374.515.520.691
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	135.714.953.879	224.715.637.394
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.660.159.653	64.785.837.706
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	12.400.000.000	15.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	254.556.736.431	136.665.597.936
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(62.874.331.886)	(66.651.552.345)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	597.223.915.582	638.556.987.266
1. Hàng tồn kho	141		608.176.653.383	648.983.658.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(10.952.737.801)	(10.426.671.189)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		314.165.843.865	315.902.262.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	22.442.234.181	22.801.731.679
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.204.268.188	18.553.295.378
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	284.519.341.496	274.547.235.451
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.183.319.157.800	3.575.656.866.108
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
II. Tài sản cố định	220		2.556.020.619.257	2.887.036.748.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.481.707.930.349	2.828.264.946.068
- Nguyên giá	222		9.280.468.958.188	9.177.824.724.533
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.798.761.027.839)	(6.349.559.778.465)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74.312.688.908	58.771.802.213
- Nguyên giá	228		121.921.370.370	99.466.375.963
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(47.608.681.462)	(40.694.573.750)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	5.887.518.056	6.712.323.416
- Nguyên giá	231		12.203.797.672	12.203.797.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.316.279.616)	(5.491.474.256)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	47.359.180.340	38.318.718.943
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47.359.180.340	38.318.718.943
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	265.201.627.502	292.103.664.322
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		223.310.088.976	240.090.890.583
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.750.000.000	43.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.858.461.474)	(1.737.226.261)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		308.840.212.645	351.485.411.146
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	301.946.268.255	347.856.035.981
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	4.849.874.712	1.203.980.050
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.044.069.678	2.425.395.115
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.684.082.600.975	7.772.176.098.181

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.948.544.585.402	2.590.612.906.434
I. Nợ ngắn hạn	310		1.746.185.904.092	2.328.507.312.879
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	545.690.899.807	807.522.165.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.684.552.002	40.210.583.813
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	265.168.238.095	298.761.735.453
4. Phải trả người lao động	314		175.728.104.646	128.259.726.093
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	85.674.489.921	103.106.041.914
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.316.715	74.181.818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	347.591.317.301	321.346.760.476
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	220.196.905.678	335.429.211.392
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	256.320.291.145
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.433.079.927	37.476.615.367
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		202.358.681.310	262.105.593.555
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	349.929.968	349.929.968
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	99.669.507.910	126.449.179.319
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	100.867.646.209	133.446.214.209
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.471.597.223	1.860.270.059
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.735.538.015.573	5.181.563.191.747
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.733.808.658.790	5.179.566.526.708
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	1.225.117.556.135	1.217.689.073.670
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	4.106.716.713	5.572.716.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	1.548.411.853.162	987.117.450.172
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		900.961.445.324	458.302.008.576
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		647.450.407.838	528.815.441.596
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		638.172.532.780	651.187.286.153
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.729.356.783	1.996.665.039
1. Nguồn kinh phí			420.000.000	420.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			1.309.356.783	1.576.665.039
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.684.082.600.975	7.772.176.098.181

Người lập biểu

Trịnh Quang Huy

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2021

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc

Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.514.370.576.606	9.405.060.375.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	61.778.467.162	69.855.327.665
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	7.452.592.109.444	9.335.205.047.737
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	5.473.064.507.898	6.878.041.273.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.979.527.601.546	2.457.163.774.148
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	120.704.137.745	149.852.893.194
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	24.321.027.003	31.271.567.333
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.728.804.045	31.081.416.735
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(821.338.393)	17.053.398.339
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.074.390.462.145	1.439.147.245.507
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	515.589.422.823	503.117.694.787
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		485.109.488.927	650.533.558.054
12. Thu nhập khác	31	VI.8	299.215.281.908	37.039.751.181
13. Chi phí khác	32	VI.9	17.077.447.662	18.049.888.534
14. Lợi nhuận khác	40		282.137.834.246	18.989.862.647
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		767.247.323.173	669.523.420.701
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	110.304.477.699	147.050.256.095
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.645.894.662)	(654.710.287)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		660.588.740.136	523.127.874.893
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		656.348.187.814	540.139.441.596
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.240.552.322	(17.011.566.703)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.793	1.964
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.793	1.964

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trịnh Quang Huy

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		767.247.323.173	669.523.420.701
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		465.317.607.667	471.865.692.934
- Các khoản dự phòng	03		(259.450.209.779)	7.350.885.370
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(195.171.037)	(2.785.700.703)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(138.522.568.178)	(177.582.710.434)
- Chi phí lãi vay	06		22.728.804.045	31.081.416.735
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		857.125.785.891	999.453.004.603
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.997.046.785	45.058.449.909
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		41.188.330.509	166.572.473.810
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(288.777.382.195)	139.222.867.127
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		46.269.265.224	(46.680.201.298)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.076.433.652)	(31.360.729.414)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(120.941.239.483)	(97.114.403.735)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.732.806.666)	(82.512.637.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		513.052.566.413	1.092.638.823.809
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(144.241.107.462)	(151.101.906.310)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.353.260.012	5.556.311.199
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.002.505.626.711)	(1.717.108.318.933)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.199.433.626.711	2.179.691.923.395
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.160.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		121.070.721.815	169.942.262.107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(822.889.125.635)	486.988.431.458

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.033.526.193.506	1.072.371.377.457
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.181.337.067.220)	(1.205.183.126.172)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.649.490.819)	(1.883.509.294.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(168.460.364.533)	(2.016.321.042.770)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(478.296.923.755)	(436.693.787.503)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.297.005.461.608	1.733.702.238.425
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.372.202)	(2.989.314)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	818.705.165.651	1.297.005.461.608

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Trịnh Quang Huy

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2021



Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 539 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 634 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các Công ty con : 16

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 16

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

138
ÔNG
NHÌM
VỤ T
NH I
ĐIỂM
AM V
P. H

138
ÔNG
NHÌM
VỤ T
NH I
ĐIỂM
AM V
P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	69,78%	70,46%
Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Sản xuất bia	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	40.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy tinh Samiguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội;

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất: Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị được đầu tư.

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc trích lập dự phòng sẽ được căn cứ vào giá thị trường của chứng khoán đó.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp của các bên tại đơn vị được đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

d) Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Ảnh hưởng được xem là đáng kể khi tỷ lệ quyền biểu quyết trên 20% và dưới 50% tại đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty tại công ty liên kết sau khi mua theo giá trị tài sản thuần. Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong giá trị còn lại của khoản đầu tư, không được phân bổ hàng năm mà chỉ thực hiện đánh giá xem khoản lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

e) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tài chính được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 22	05 – 22
- Máy móc, thiết bị	05 – 15	05 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 05	03 – 05

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí liên quan khác.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phần bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa, khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí chai, kết chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa của Tổng Công ty được xác định và hạch toán theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư hướng dẫn số 146/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty được tính theo phương pháp tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu chính phủ. Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 47 đến 50 năm.

Giá trị chai, kết được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan. Chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm kể từ ngày chai, kết được đưa vào sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá. Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hành hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam với các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.907.230.313	4.843.969.196
Tiền gửi ngân hàng	449.893.102.139	846.211.567.748
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	365.904.833.199	445.949.924.664
Cộng	818.705.165.651	1.297.005.461.608

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngắn hạn	2.386.211.000.000	2.386.211.000.000	1.570.539.000.000	1.570.539.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng	2.386.211.000.000	2.386.211.000.000	1.570.539.000.000	1.570.539.000.000
- Dài hạn	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	2.386.211.000.000	2.386.211.000.000	1.580.539.000.000	1.580.539.000.000

Đơn vị tính: VND

b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,00%	14.698.211.732	28,00%	15.378.955.191
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	9.533.641.280	28,00%	11.905.352.422
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	18.043.822.409	45,00%	22.251.869.050
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	52.743.051.711	40,00%	51.322.160.726
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	110.475.585.243	27,21%	121.530.661.665
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	17.815.776.601	44,22%	17.701.891.529
Cộng		223.310.088.976		240.090.890.583

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

24



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	43.750.000.000	15,52%	43.750.000.000
- Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	16.250.000.000	3,58%	16.250.000.000
- Công ty CP Sản phẩm Thủy tinh Việt Nam	6,00%	5.000.000.000	6,00%	5.000.000.000
- Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	12,50%	12.000.000.000	12,50%	12.000.000.000
		10.500.000.000		10.500.000.000
Cộng		43.750.000.000		43.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		1.858.461.474		1.737.226.261
Giá trị thuần		41.891.538.526		42.012.773.739

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là 17,5%.

25

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	135.714.953.879	224.715.637.394
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào	26.862.683.132	27.862.683.132
Phải thu đối tượng khác	108.852.270.747	196.852.954.262
b) Dài hạn	-	-
Cộng	135.714.953.879	224.715.637.394

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

4. Phải thu về cho vay

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	12.400.000.000	15.000.000.000
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào	12.400.000.000	15.000.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	12.400.000.000	15.000.000.000

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.

5. Phải thu khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	254.556.736.431	136.665.597.936
Phải thu tiền chi hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà máy Nghi Sơn	1.159.348.481	1.159.348.481
Phải thu cước bao bì vỏ chai kết	16.656.671.955	35.428.028.555
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	44.743.520.427	34.939.484.982
Phải thu tiền ĐBGPMB Dự án Chi nhánh Tuyên Quang	3.353.006.835	3.363.841.850
Giá trị quyết toán dự án xây dựng cơ bản hoàn thành chờ xử lý	3.640.063.037	3.640.063.037
Phải thu khác	185.004.125.696	58.134.831.031
b) Dài hạn	10.000.000	-
Phải thu khác	10.000.000	-
Cộng	254.566.736.431	136.665.597.936

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	-	834.570.285	-
Công ty CP Nhựa Đại Trường Phát	177.014.809	-	177.014.809	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Anh	2.116.412.499	-	2.116.412.499	-
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào	40.461.967.855	-	40.461.967.855	-
Công ty TNHH Trường Quang II	6.700.662.580	-	6.700.662.580	-
Các đối tượng phải thu khác	12.692.463.858	108.760.000	12.830.924.317	70.000.000
Cộng	62.983.091.886	108.760.000	66.721.552.345	70.000.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	815.344.370	-	2.939.815.955	-
Nguyên liệu, vật liệu	212.718.113.963	10.675.472.061	344.743.131.218	10.322.899.426
Công cụ, dụng cụ	129.064.831.372	2.598.750	48.693.722.091	2.598.750
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	88.921.489.396	-	115.565.525.732	-
Thành phẩm	123.938.644.419	274.666.990	96.508.297.044	101.173.013
Hàng hoá	52.718.229.863	-	40.533.166.415	-
Cộng	608.176.653.383	10.952.737.801	648.983.658.455	10.426.671.189

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	47.359.180.340	38.318.718.943
- Dự án sản xuất còn khô	1.386.092.537	1.386.092.537
- Dự án ERP	-	17.425.737.407
- Chi phí triển khai phần mềm quản lý và hỗ trợ bán hàng DMS	16.773.745.781	-
- Chi phí lắp đặt màn hình Led	254.986.139	13.635.000.000
- Nhà làm việc khối kỹ thuật tại Mê Linh	19.998.648.554	218.823.606
- Nâng cấp hệ thống điều khiển nhà máy Mê Linh	7.269.500.000	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.676.207.329	5.653.065.393
Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	-
Cộng	47.359.180.340	38.318.718.943

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	1.875.110.380.304	6.958.560.069.717	210.507.551.978	126.910.652.237	6.736.070.297	9.177.824.724.533
Số tăng trong năm	16.400.883.980	56.950.551.602	18.273.872.119	21.407.466.887	57.585.000	113.090.359.588
- Mua sắm mới	3.858.610.384	46.415.618.945	18.273.872.119	21.407.466.887	57.585.000	90.013.153.335
- Xây dựng mới hoàn thành	12.542.273.596	-	-	-	-	12.542.273.596
- Tăng khác	-	10.534.932.657	-	-	-	10.534.932.657
Số giảm trong năm	645.803.636	2.149.904.717	7.119.690.090	530.727.490	-	10.446.125.933
- Thanh lý nhượng bán	645.803.636	2.149.904.717	7.119.690.090	530.727.490	-	10.446.125.933
Số dư cuối năm	1.890.865.460.648	7.013.360.716.602	221.661.734.007	147.787.391.634	6.793.655.297	9.280.468.958.188
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	1.049.244.618.083	5.045.860.842.862	157.744.316.598	90.596.560.057	6.113.440.865	6.349.559.778.465
Khấu hao trong năm	71.460.189.537	359.055.004.444	15.462.843.076	11.501.296.679	205.930.917	457.685.264.653
- Khấu hao trong năm	71.460.189.537	359.055.004.444	15.462.843.076	11.394.726.621	205.930.917	457.578.694.595
- Phân loại lại	-	-	-	106.570.058	-	106.570.058
Giảm trong năm	654.760.957	1.655.406.948	5.821.071.656	352.775.718	-	8.484.015.279
- Thanh lý nhượng bán	645.803.636	1.557.794.211	5.821.071.656	352.775.718	-	8.377.445.221
- Phân loại lại	8.957.321	97.612.737	-	-	-	106.570.058
Số dư cuối năm	1.120.050.046.663	5.403.260.440.358	167.386.088.018	101.745.081.018	6.319.371.782	6.798.761.027.839
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình	825.865.762.221	1.912.699.226.855	52.763.235.380	36.314.092.180	622.629.432	2.828.264.946.068
Tại ngày đầu năm	770.815.413.985	1.610.100.276.244	54.275.645.989	46.042.310.616	474.283.515	2.481.707.930.349
Tại ngày cuối năm	825.865.762.221	1.912.699.226.855	52.763.235.380	36.314.092.180	622.629.432	2.828.264.946.068

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.126.889.234.554 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 562.597.173.639 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	48.495.673.890	1.130.171.867	99.466.375.963
Số dư đầu năm	-	-	22.454.994.407
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	48.495.673.890	1.130.171.867	121.921.370.370
Giá trị đã hao mòn	683.467.060	785.985.749	40.694.573.750
Số dư đầu năm	24.574.848	146.817.624	6.914.107.712
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	708.041.908	932.803.373	47.608.681.462
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình	47.812.206.830	344.186.118	58.771.802.213
Tại ngày đầu năm	47.787.631.982	197.368.494	74.312.688.908
Tại ngày cuối năm	-	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 37.285.789.909 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 29.547.331.607 đồng.

30

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	12.203.797.672	-	-	12.203.797.672
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	12.203.797.672	-	-	12.203.797.672
Giá trị hao mòn lũy kế	5.491.474.256	824.805.360	-	6.316.279.616
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	5.491.474.256	824.805.360	-	6.316.279.616
Giá trị còn lại	6.712.323.416	-	-	5.887.518.056
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	6.712.323.416	-	-	5.887.518.056

(* Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và năm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

12. Thuế thu nhập hoãn lại	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.849.874.712	1.203.980.050
Cộng	4.849.874.712	1.203.980.050
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.786.068.359	7.451.141.873
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(5.786.068.359)	(7.451.141.873)
Cộng	-	-
13. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	22.442.234.181	22.801.731.679
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	4.267.643.253	3.951.420.377
Chi phí vật dụng quảng cáo chờ kết chuyển	4.769.160.995	9.399.100.756
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.405.429.933	9.451.210.546
b) Dài hạn	301.946.268.255	347.856.035.981
Chi phí thuê đất trả trước	77.891.817.525	82.682.156.280
Công cụ chai kết, bao bì luân chuyển	86.538.839.282	109.593.468.566
Chi phí giải phòng mặt bằng	11.709.853.791	12.065.115.003
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	89.750.484.442	75.080.216.243
Chi phí sửa chữa tài sản	21.324.216.982	14.575.138.903
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.731.056.233	53.859.940.986
Cộng	324.388.502.436	370.657.767.660

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	220.196.905.678	220.196.905.678	1.066.104.761.506	1.181.337.067.220	335.429.211.392	335.429.211.392	
Vay ngắn hạn	165.718.337.678	165.718.337.678	1.033.526.193.506	1.093.785.853.826	225.977.997.998	225.977.997.998	
Ngân hàng TMCP Á Châu (a1)	7.000.000.000	7.000.000.000	40.529.781.483	51.119.080.483	17.589.299.000	17.589.299.000	
Ngân hàng Nông nghiệp PTNT (a2)	51.598.081.203	51.598.081.203	132.324.971.085	169.424.384.095	88.697.494.213	88.697.494.213	
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (a3)	74.273.150.660	74.273.150.660	321.411.200.450	291.336.279.113	44.198.229.323	44.198.229.323	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	283.961.254.764	326.667.533.122	42.706.278.358	42.706.278.358	
Ngân hàng Quân Đội (a4)	23.292.491.218	23.292.491.218	111.817.147.977	88.524.656.759	-	-	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	96.417.284.663	96.417.284.663	-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a5)	9.554.614.597	9.554.614.597	47.064.553.084	70.296.635.591	32.786.697.104	32.786.697.104	
Vay dài hạn đến hạn trả	54.478.568.000	54.478.568.000	32.578.568.000	87.551.213.394	109.451.213.394	109.451.213.394	
b) Vay dài hạn	100.867.646.209	100.867.646.209	-	32.578.568.000	133.446.214.209	133.446.214.209	
Ngân hàng TMCP Á Châu (b1)	10.679.646.209	10.679.646.209	-	5.078.568.000	15.758.214.209	15.758.214.209	
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (b2)	87.500.000.000	87.500.000.000	-	27.500.000.000	115.000.000.000	115.000.000.000	
Văn phòng tinh. ủy Phú Thọ (b3)	2.688.000.000	2.688.000.000	-	-	2.688.000.000	2.688.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng (b4)	-	-	-	-	-	-	
Cộng	321.064.551.887	321.064.551.887	1.066.104.761.506	1.213.915.635.220	468.875.425.601	468.875.425.601	

32

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (a1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu: Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn 6,5%/ năm. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo lãi vay của các Ngân hàng. Mục đích vay nhằm Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay đến 31/12/2020 là: 7.000.000.000 đồng.
- (a2) Vay ngắn hạn Nông nghiệp PTNT - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1500-LAV-202004495 ngày 20/10/2020. Hạn mức cấp tín dụng 120.000.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 06 tháng trên từng giấy nhận nợ, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 51.598.081.203 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Tin chấp.
- (a3) Vay ngắn hạn Ngân hàng Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 091020/VIB-HBCHP ngày 08/10/2020. Hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích vay để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số 141020/VIB-HBCHP ngày 14/10/2020. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 60.136.763.465 VND.
- Khoản vay ngắn hạn ngân hàng được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn 6,5%/ năm. Lãi được trả hàng tháng theo thông báo lãi vay của các Ngân hàng. Mục đích vay nhằm Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay đến 31/12/2020 là: 14.136.387.195 đồng.
- (a4) Vay ngắn hạn TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng cấp tín dụng số 55527.19.065.694202.TD ngày 31/12/2019. Hạn mức tín dụng 35.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày 31/12/2019 đến hết ngày 30/11/2020. Thời hạn vay tối đa 6 tháng/GNN, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Số dư nợ vay đến 31/12/2020 là 23.292.491.218 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Tin chấp.
- (a5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020 - HBCVHM/NHCT136- HABECOID ngày 26/11/2020. Hạn mức cho vay 150.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 26/11/2020 đến hết ngày 25/11/2020. Thời hạn vay tối đa 6 tháng/GNN, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 9.554.614.597 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Tin chấp.
- (b1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay tín dụng dài hạn số HAP.DN.15.080816/DH ngày 08/08/2016. Số tiền vay 23.000.000.000 VND. Mục đích: Phục vụ dự án di dời nhà máy bia (hạng mục xây dựng nhà văn phòng điều hành và hệ thống máy pha bia). Thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất: Quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tờ bản đồ "00" Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 9.570.038.309 VND (trong đó nợ đến hạn trả là 3.588.900.000 VND).
- Hợp đồng vay tín dụng dài hạn số HAP.DN.17.291117 ngày 29/11/2017. Hạn mức: 1.600.000.000 VND. Mục đích: Phục vụ xây dựng nhà để xe và nhà ăn của cán bộ công nhân viên. Thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất: Quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tờ bản đồ "00" Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 645.340.000 VND (trong đó nợ đến hạn trả là 322.740.000 VND).

33

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
 183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Hợp đồng vay tín dụng dài hạn số HAP.DN.571220818 ngày 31/08/2018. Hạn mức: 10.000.000.000 VND. Mục đích: Cải tạo cơ sở sản xuất kinh doanh tại số 16 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng. Thời hạn vay 84 tháng, kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất: Quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ "00" Bắc Sơn, Kiến An, Hải Phòng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 5.542.835.900 VND (trong đó nợ đến hạn trả là 1.166.928.000 VND).
- (b2) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng số 1103/HHTD/2016 ngày 11/03/2016. Hạn mức 270.000.000.000 VND. Thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để tài trợ cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản được kê chi tiết kèm theo hợp đồng vay. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 125,5 tỷ, trong đó số được phân loại đến hạn trả là 3,8 tỷ.
- (b3) Vay Văn phòng Tỉnh ủy Phú Thọ theo hợp đồng số 02/2012/HĐ-VPTU, lãi suất theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, số dư nợ vay đến ngày 31/12/2020 là 2.688.000.000 đồng.
- (b4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng số 20162012/HDDT/VPB-HABECOQT ngày 27/12/2016, thời hạn 4,5 năm, lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động 12 tháng của ngân hàng đối với cá nhân + 0,1%/năm. Công ty đã sử dụng hệ thống máy móc thiết bị hình thành sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này. Số dư nợ gốc vay đến ngày 31/12/2020 là 11.400.000.000 VND (trong đó nợ vay dài hạn đến hạn trả là 11.400.000.000 VND).

34


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
 183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
15. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	545.690.899.807	545.690.899.807	807.522.165.408	807.522.165.408
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	10.716.236.202	10.716.236.202	28.535.408.894	28.535.408.894
Công ty TNHH ĐTTM DV Vận tải Hồng Phát	3.555.024.741	3.555.024.741	4.384.785.510	4.384.785.510
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	25.309.493.508	25.309.493.508	33.122.216.469	33.122.216.469
Công ty cổ phần HANACANS	39.097.014.663	39.097.014.663	87.875.782.902	87.875.782.902
Công ty TNHH AsiaPackaging Industries (Việt Nam)	26.553.867.328	26.553.867.328	56.909.981.099	56.909.981.099
Công ty CP Vận tải Habeco	4.521.017.314	4.521.017.314	2.738.260.524	2.738.260.524
Phải trả cho các đối tượng khác	435.938.246.051	435.938.246.051	593.955.730.010	593.955.730.010
b) Dài hạn	349.929.968	349.929.968	349.929.968	349.929.968
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600
Công ty TNHH TM và Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000
Lương Văn Thăng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000
Phải trả đối tượng khác	99.079.039	99.079.039	99.079.039	99.079.039
Cộng	546.040.829.775	546.040.829.775	807.872.095.376	807.872.095.376

Đơn vị tính: VND

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.1.

35

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
 183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
17. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	85.674.489.921	103.106.041.914
Chi phí bán hàng	69.928.717.651	78.037.052.592
Chi phí lãi vay	1.016.568.907	1.364.198.514
Chi phí xây dựng cơ bản	706.596.301	9.614.084.625
Chi phí phải trả khác	14.022.607.062	14.090.706.183
b) Dài hạn	-	-
Cộng	85.674.489.921	103.106.041.914

18. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	347.591.317.301	321.346.760.476
Kinh phí công đoàn	999.920.629	869.042.648
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	675.108.008	45.718.238
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	141.671.173.941	139.199.533.648
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	157.515.696.978	141.895.633.073
Các khoản phải trả phải nộp khác	46.729.417.745	39.336.832.869
b) Dài hạn	99.669.507.910	126.449.179.319
Nhận ký quỹ ký cược	92.319.713.845	119.099.385.254
Lãi vay phải trả	6.025.345.020	6.025.345.020
Phải trả khác	1.324.449.045	1.324.449.045
Cộng	447.260.825.211	447.795.939.795

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả khác là các bên liên quan: Không phát sinh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
 183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
19. Vốn chủ sở hữu
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu chưa phân phối (*)
Số dư đầu năm trước	2.318.000.000.000	711.306.153.095
Lãi trong năm trước		540.159.441.596
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2018		(11.523.477.519)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước		(40.430.035.121)
Tạm trích quỹ KTTPL từ lợi nhuận năm 2019	11.523.477.519	(11.324.000.000)
Trích cổ tức từ lợi nhuận lũy kế đến năm 2017		(201.050.631.879)
Dùng quỹ ĐTPT trả cổ tức tại công ty con	(3.659.224.500)	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội		(1.755.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.217.689.073.670	987.117.450.172
Số dư đầu năm nay	1.217.689.073.670	987.117.450.172
Lãi trong năm nay		656.348.187.814
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2019		(1.368.835.617)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước		(84.787.169.231)
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.368.835.617	(8.897.779.976)
Hoàn trả quỹ ĐTPT tại công ty con		
Sử dụng quỹ an sinh xã hội	6.059.646.848	
Số dư cuối năm nay	1.225.117.556.135	1.548.411.853.162

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản số 01/NQ-ĐHĐCĐ-HABECO ngày 19/01/2021 thì Đại hội Đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, 2019 với tỷ lệ tương ứng là 13,8% và 14,5%. Ngày 22/01/2021, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT-HABECO thông nhất chi trả cổ tức năm 2018, 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ nêu trên; Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 19/02/2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	%	01/01/2020	%
	VND		VND	
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	142.452,85	48.288,53
- EUR	7.265,03	292.225,37
Nợ khó đòi đã xử lý	2.088.282.433	2.088.282.433

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.346.966.866.188	9.218.592.914.817
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	167.403.710.418	186.467.460.585
Cộng	7.514.370.576.606	9.405.060.375.402

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	61.778.467.162	69.409.173.665
Hàng bán bị trả lại	-	446.154.000
Cộng	61.778.467.162	69.855.327.665

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa thành phẩm	7.285.188.399.026	9.148.737.587.152
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	167.403.710.418	186.467.460.585
Cộng	7.452.592.109.444	9.335.205.047.737

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	5.473.064.507.898	6.878.041.273.589
Cộng	5.473.064.507.898	6.878.041.273.589

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	129.929.757.260	158.592.869.990
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.227.796.210	221.364.560
Cổ tức lợi nhuận được chia	945.000.000	734.964.369
Doanh thu hoạt động tài chính khác	(15.398.415.725)	(9.696.305.725)
Cộng	120.704.137.745	149.852.893.194

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	22.728.804.045	31.081.416.735
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	121.235.214	(1.266.366)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.470.987.744	191.416.964
Cộng	24.321.027.003	31.271.567.333

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Chi phí bán hàng	1.074.390.462.145	1.439.147.245.507
Chi phí nhân viên	126.845.652.418	143.921.177.982
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	112.608.348.893	156.203.314.521
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng bán	60.267.802.398	123.709.699.632
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	464.191.791.911	763.779.161.060
Chi phí khác	310.476.866.525	251.533.892.312
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	515.589.422.823	503.117.694.787
Chi phí nhân viên quản lý	235.183.743.546	185.560.406.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.099.226.892	39.289.103.353
Chi phí tiền thuê đất	43.033.021.096	32.564.282.260
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	193.273.431.289	245.703.902.469

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Không có.

8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản	1.818.843.090	4.418.531.377
Thu nhập bán bã bia	19.334.899.090	8.086.037.140
Thu phạt bồi thường	521.271.588	4.449.102.635
Thu hồi vỏ chai, vỏ keg	5.849.096.828	13.168.538.084
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải trả	256.320.291.145	-
Thu nhập khác	15.370.880.167	6.917.541.945
Cộng	299.215.281.908	37.039.751.181

9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	995.555.803	2.146.734.598
Chi phí vỏ chai	5.781.281.702	1.897.461.637
Chi phí khác	10.300.610.157	14.005.692.299
Cộng	17.077.447.662	18.049.888.534

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Tổng Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập chịu thuế	556.590.974.738	731.547.017.420
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp 20%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020	1.550.623.792	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	109.767.571.156	146.309.403.483
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	536.906.543	740.852.613
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	110.304.477.699	147.050.256.095

11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	656.348.187.814	540.139.441.596
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(8.897.779.976)	(84.787.169.231)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	8.897.779.976	84.787.169.231
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác (*)	8.897.779.976	84.787.169.231
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	647.450.407.838	455.352.272.365
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	2.793	1.964
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.793	1.964

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác ghi giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm nay được tạm trích tại Tổng công ty và các Công ty con. Số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(**) Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh do thay đổi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi, quỹ khác không thuộc cổ đông các năm trước là 73.463.169.231 đồng (xem thuyết minh VII.8).

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2020.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.373.506.765.567	3.123.451.981.229
Chi phí nhân công	596.277.078.235	583.293.532.466
Chi phí khấu hao tài sản cố định	465.317.607.667	471.865.692.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	832.611.124.525	892.822.214.915
Chi phí khác bằng tiền	548.000.301.905	658.135.635.748
Cộng	4.815.712.877.899	5.729.569.057.292

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm 2020, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, thù lao và các khoản thu nhập khác	4.959.100.000	4.388.965.217

KẾ TOÁN
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT
HÀ NỘI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm 2020, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	6.580.702.832	78.103.583.711
		Bán vật tư, hàng hóa	2.489.292.229	15.153.394.865
		Phí bán quyền nhãn hiệu	5.335.851.445	5.160.824.718
		Hỗ trợ nhãn hiệu	39.768.300	1.215.206.180
		Chi phí khác	30.000.000	-
Công ty CP Vận tải Habeco	Công ty liên kết	Cho thuê mặt bằng	950.400.000	475.200.000
Công ty TNHH Thủy tinh Samiguél Hải Phòng	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, bóc xếp	20.059.411.250	25.096.975.432
		Bán phế liệu	847.434.480	922.610.160
		Mua vỏ chai	-	4.385.338.960
		Chế tạo bộ khuôn mẫu chai	-	95.000.000
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Mua vật tư bao bì	81.717.331.864	82.505.423.337
		Điện, nước	120.522.640	191.728.730
		Bán hàng hóa	61.858.000	-

Cho đến cuối năm, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	01/01/2020
Công ty TNHH Thủy tinh SAN MIGUEL YAMAMURA Hải phòng	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	964.608.208	373.458.660
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	(1.870.723.456)
		Bán vật tư, hàng hóa	721.195.860	707.184.130
		Mua hàng hóa	-	(9.402.118.992)
Công ty CP Vận tải Habeco	Công ty liên kết	Cước vận tải	(4.521.017.314)	(2.738.260.524)
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	47.730.312	46.705.428
		Mua hàng hóa	(16.804.021.626)	(20.049.346.611)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2020	01/01/2020		
	Giá trị số sách	Dự phòng	Giá trị số sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	818.705.165.651	-	1.297.005.461.608	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.386.211.000.000	-	1.580.539.000.000	-
Phải thu khách hàng	135.714.953.879	39.893.049.318	224.715.637.394	40.704.803.844
Trả trước cho người bán	44.660.159.653	887.390.119	64.785.837.706	2.116.960.404
Phải thu về cho vay	12.400.000.000	12.400.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	267.060.088.976	1.858.461.474	283.840.890.583	1.737.226.261
Phải thu khác	254.566.736.431	9.693.892.449	136.665.597.936	8.829.788.097
Cộng	3.919.318.104.590	64.732.793.360	3.602.552.425.227	68.388.778.606

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2020	01/01/2020		
	Giá trị số sách	Dự phòng	Giá trị số sách	Dự phòng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	546.040.829.775		807.872.095.376	
Vay và nợ	321.064.551.887		468.875.425.601	
Chi phí phải trả	85.674.489.921		103.106.041.914	
Các khoản phải trả khác	920.841.719.954		1.171.348.276.299	
Cộng	1.873.621.591.537		2.551.201.839.190	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
 183 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, Tp.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Số liệu này được điều chỉnh do Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh do thay đổi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi, quỹ khác không thuộc cổ đông các năm trước là 73.463.169.231 đồng như sau :

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	Số liệu năm 2019 (sau điều chỉnh)	Số liệu năm 2019 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu			
Các khoản điều chỉnh giảm	84.787.169.231	11.324.000.000	73.463.169.231
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác	84.787.169.231	11.324.000.000	73.463.169.231
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	455.352.272.365	528.815.441.596	(73.463.169.231)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.964	2.281	(317)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.964	2.281	(317)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2020, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Trịnh Quang Huy

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2021

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc




Ngô Quế Lâm

Đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được HABECO công bố trên trang thông tin điện tử tại đường dẫn: <http://www.habeco.com.vn/>.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HABECO

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Quế Lâm



HIABECO

Sức bật Việt Nam



Est. 1890

HABECO

Sức bật Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

183, Hoàng Hoa Thám , Q. Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : +84 24 3845 3843 | Fax: + 84 24 3722 3784
www.habeco.com.vn